

PHỤ LỤC I
PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG, XÃ TỪ PHÂN KHU SỐ 1 ĐẾN PHÂN KHU SỐ 8

TT	Tên đường, phố đề nghị đặt tên	Vị trí		Quy mô hiện trạng		Quy mô quy hoạch		Tóm tắt lý lịch và lý do lựa chọn tên
		Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (m)	Rộng (m)	Dài (m)	Rộng (m)	
I. 1	Nhóm các phường: Điện Biên, Đông Thọ, Trường Thi, Lam Sơn, Ba Đình, Ngọc Trạo, Phú Sơn (Tân Sơn cũ), Đông Vệ (phía Bắc sông Nhà Lê) (Quy hoạch phân khu số 01)							
1	Phường Điện Biên: 01 phố							
1	Phố Trần Quý Cáp	Nhà hát Ca múa kịch Lam Sơn	Đường Dương Đình Nghệ	388	8,5	388	17,5	Trần Quý Cáp (1870-1908), người làng Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp, sau đó bị bắt giam vào năm 1908 (STT 30 Trang 55, NQ 90) <i>Ông nổi tiếng là một trong sáu học trò lỗi lạc của cụ đốc học Mã sơn Trần Đình Phong tại trường Thanh Chiêm cùng với Phạm Liệu, Nguyễn Đình Hiến, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Phan Quang. Năm 1905, ông cùng với các đồng chí là Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng vào Nam vận động cho cuộc khởi nghĩa Duy Tân, sáng lập và tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp.</i>
2	Phường Đông Thọ: 01 phố							
2	Phố Nguyễn Khắc Thiệu	Phố Hồ Viết Thắng	Phố Mạc Đĩnh Chi	312	7,5	312	13,5	Nguyễn Khắc Thiệu (1764 - 1816), quê Gia Miêu, Hà Trung. Ông làm quan dưới triều Nguyễn, tháng 10 năm 1795 ông được vào Viện Thị thư, lại thăng chức Nội thị thư viện. Tháng 10 năm 1807, nhà Nguyễn mở khoa thi Hương ông được cử làm Đề điều trường thi Bắc Thành, rồi làm Đề điều trường thi Hải Dương. Năm 1809, ông tham gia vào việc trông coi đề chính ở Bắc Thành (STT 127 Trang 175, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Nguyễn</i>
3	Phường Trường Thi: 0							
4	Phường Lam Sơn: 01 phố							

3	Phố Lê Định	Đường Mai An Tiêm	Phố Đinh Liệt	300	7,5	300	15,0	Lê Định (? - 1459), quê xã Nông Vụ, tổng Bái Dương, huyện Lôi Dương (nay là xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân), tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày đầu, lập được rất nhiều công trạng, được xếp vào hàng những người có công đầu (đệ nhất công thần). Khi Lê Lợi ban thưởng, ông được liệt vào hàng Bình Ngô khai quốc công thần và phong làm Tả Kim Ngô vệ Thượng tướng quân, tước hiệu hầu, sau thăng Bảo chính công thần, Nhập nội thiếu úy, Đại tư mã. Khi mất, được truy phong Mậu Liệt hầu, rồi Hoàng tông Cường quận công, có lăng mộ tại đồi Công Phủ, điện thờ tại thôn Thống Nhất 2, xã Xuân Dương (STT 19 Trang 151, NQ33) <i>Cụm danh nhân nhà Lê</i>
5	Phường Ba Đình: 0							
6	Phường Ngọc Trạo: 0							
7	Phường Đông Vệ (phía Bắc sông Nhà Lê): 03 phố							
4	Phố Lưu Hưng Hiếu	Đường Nguyễn Huy Tự (Chung cư Ruby)	Phố Trịnh Cương	486	7,5	486	22,5	Lưu Hưng Hiếu (1456- ?) còn gọi là Lê Hưng Hiếu, quê ở xã Hà Lương (nay là xã Vĩnh Thành), huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, là Thượng thư kiêm đồng các đại học sĩ dưới thời Lê sơ (STT 125 Trang 67, NQ 90) <i>Cụm danh nhân nhà Lê</i>
5	Phố Lê Bá Khuê	Phố Trịnh Tùng	Đường Lê Nhân Tông	700	7,5	736	15,5	Lê Bá Khuê (? - ?), quê Lam Sơn, sau chuyển xuống làng Bồ Vệ nay thuộc phường Đông Vệ, tiến sĩ xuất thân khoa thi Mậu Thìn (1508) thời vua Lê Uy Mục, là người có công xây cầu Anh (nay là cầu Kiều Đại 1) bắc qua sông nhà Lê, được ghi công như một phúc thần của làng (STT 62 Trang 161, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Đông Vệ được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
6	Phố Vũ Sư Thước	Phố Trịnh Tùng	Cầu Tạnh Xá 1	492	7,5	492	17,5	Vũ Sư Thước (thế kỷ XVI), người làng Vũ Xã, tổng Du Trường, huyện Thuần Lộc, nay là thôn Vũ Thành, xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thủy quận công thời Lê Trung hưng (STT 350 Trang 98, NQ 90) <i>Cụm danh nhân Nhà Lê tại phường Đông Vệ</i>
I. 2	Nhóm các phường: Nam Ngạn, Đông Hương, Đông Hải (Quy hoạch phân khu số 02)							

8	Phường Nam Ngạn: 04 phố							
7	Phố Lê Nguyên Thành	Trường THCS Nam Ngạn	Đường Nam Sơn	345	7,5	345	9,0	Lê Nguyên Thành (1868- 1951), quê ở làng Đông Tác, thành phố Thanh Hoá. Sau khi đỗ tú tài, chính quyền Nam Triều dụ dỗ cụ ra làm quan nhưng cụ khước từ và ở nhà dạy học. Ông là chiến sĩ yêu nước, là lãnh tụ phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908 (STT 123 Trang 174, NQ 33) <i>Danh nhân quê quan tại thành phố Thanh Hóa được ưu tiên để đặt tên đường, phố.</i>
8	Phố Trịnh Minh	Phố Nguyễn Văn Bích	Đường Trần Khánh Dư	363	7,5	363	17,5	Trịnh Minh (?-?), quê ở làng Ngũ Kiên, xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là một vị tướng thời Trần tham gia Cuộc Kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ nhất (1258), là Quyền Thủy bộ Đại tướng quân thời Trần (STT 126 Trang 131, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Trần</i>
9	Phố Nguyễn Cao	Phố Khương Công Phụ	Phố Hoàng Đạo Thành	327	7,5	327	15,5	Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, quê ở Cách Bi, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh), là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ XIX (STT 28 Trang 55, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Nguyễn</i>
10	Phố Thái Phiên	Phố Thiều Thốn	Phố Lê Phụ Trần	477	10,5	477	35,0	Thái Phiên (1882-1916), quê tại làng Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay là Khối Nghi An, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng), là nhà hoạt động Cách mạng yêu nước, người đã cùng với Vua Duy Tân chống Pháp (STT 271 Trang 86, NQ 90) <i>Thái Phiên là nhà hoạt động Cách mạng yêu nước, người đã cùng với Vua Duy Tân chống Pháp, được đặt tên cho đường, phố gần với đường Duy Tân</i>
9	Phường Đông Hương: 09 phố							

11	Phó Lê Tự Cường	Đại lộ Hùng Vương	Trường THCS Đông Hương	449	7,5	449	16,0	Lê Tự Cường (? - 1635), quê thôn Tây, xã Đăng Cao, trấn Thanh Hóa (nay là thôn Tê, xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông làm quan dưới thời vua Lê - chúa Trịnh. Ông có công trong việc phò giúp nhà Lê, lập được nhiều công được thăng chức trung quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Hải Quận công, trung quân Đô đốc Thiêm sự Hải quận công sau thăng lên Thiếu bảo (STT 11 Trang 150, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
12	Phó Trịnh Cảnh Huy	Giữa khu dân cư tổ dân phố Phan Đình Phùng	Đường Hàm Nghi	629	7,5	629	7,5	Trịnh Cảnh Huy (? - ?), quê làng Chân Bái (nay thuộc xã Yên Bái, huyện Yên Định). Ông đã làm tới chức Tả đô đốc vệ cấm y để bảo vệ hành cung Vạn Lại - Yên Trường (hồi thế kỷ XVI). Trong một lần nhà Mạc mang 700 chiến thuyền vào đánh căn cứ Biện Thượng (Vĩnh Lộc nay) với ý đồ mở đường đánh chiếm kinh đô Vạn Lại - Yên Trường của nhà Lê - Trịnh, ông được giao trọng trách chỉ huy một lực lượng lớn án ngữ mai phục ở hai bờ sông Lèn (gần ngã ba Bông) để chờ khi quân địch đến thì đánh tập kích bất ngờ làm lực lượng thủy quân nhà Mạc tan tác tháo chạy hỗn loạn. Vì vậy, ông được phong đến chức Phụ quốc thượng tướng quân, tước Hoàng Quận công. Khi mất được thờ ở đền Hàn Sơn (Hà Sơn, Hà Trung) (STT 53 Trang 158, NQ 33) <i>Cụm danh nhân nhà Lê</i>
13	Phó Lê Huy Du	Đại lộ Hùng Vương	Phó Lý Nam Đế	330	7.5	340	15,5	Lê Huy Du (1757- 1835), quê xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học thời nhà Nguyễn có nhiều đóng góp cho việc xây dựng chính quyền nhà Nguyễn và là một nhà giáo nổi tiếng (STT 38 Trang 119) <i>Cụm danh nhân thời Nguyễn tại khu vực phường Đông Hương: Hàm Nghi, Nguyễn Tình, Lê Huy Du, Lê Công Trục.</i>
14	Phó Lê Công Trục	Đại lộ Hùng Vương	Phó Lý Nam Đế, tổ dân phố Bình Minh	331	7,5	364	17,5	Lê Công Trục (1750 - 1835), quê ở xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tả kích cơ, Quân cơ tượng quân dưới thời nhà Nguyễn, có nhiều công lao đóng góp vào việc giữ gìn giang sơn, bờ cõi (STT 243 Trang 146) <i>Cụm danh nhân thời Nguyễn tại khu vực phường Đông Hương: Hàm Nghi, Nguyễn Tình, Lê Huy Du, Lê Công Trục.</i>

15	Phố Nguyễn Quý Đức	Phố Hoàng Hoa Thám	Phố Phan Đình Phùng	315	10,5	309	15,5	Nguyễn Quý Đức (1647 - 1720) quê làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Ông làm quan triều Lê, là một nhà chính trị xuất sắc có nhiều công trạng với triều đình và đất nước (STT 05 Trang 142, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê tại khu đô thị Bình Minh</i>
16	Phố Nguyễn Văn Lang	Phố Phan Đình Phùng	Đại lộ Lê Lợi	300	10,5	300	10,5	Nguyễn Văn Lang (thế kỷ XV - XVI), quê xã Hà Long huyện, Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, được phong tước Nghĩa Quốc công thời Lê sơ. (STT 100 Trang 127, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê tại khu đô thị Bình Minh</i>
17	Phố Lê Khả Lãng	Phố Hoàng Hoa Thám	Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa	300	10,5	300	10,5	Lê Khả Lãng (?-?), quê ở thôn Hương Nhượng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Thiếu úy Nam sách thượng vệ Tổng quản, tước huyện hầu dưới thời Lê sơ. (STT 101 Trang 127, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê tại khu đô thị Bình Minh</i>
18	Phố Lê Nhân Thực	Phố Hoàng Hoa Thám	Trường mầm non Bình Minh	300	10,5	300	10,5	Lê Nhân Thực (? - ?), quê thị xã Nghi Sơn. Ông là công thần thời Lê sơ, được phong chức Quân lĩnh hầu, kiêu kỵ úy trí thặng, ông là một võ quan, do lập được công trạng ông được Nhà Lê ban tước hầu. Theo sắc phong Quân lĩnh hầu là chức quan võ chỉ huy một sở, hàm ngũ phẩm sau đó được phong tước đặc tiến Kim tử Vinh Lộc (STT 130, Trang 175, NQ 33). <i>Cụm danh nhân thời Lê tại khu đô thị Bình Minh</i>
19	Phố Lê Văn Tiến	Đại lộ Lê Lợi	Giữa khu dân cư tổ dân phố Bào Ngoại	300	10,5	300	20,5	Lê Văn Tiến (1868- ?) còn gọi là Lê Văn Tấn, quê ở thôn Đại Bái, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nhà chí sỹ yêu nước (STT 222 Trang 143, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê tại phường Đông Hương như Lê Lợi, Phạm Thị Ngọc Trần, Phạm Văn Xảo.</i>
10	Phường Đông Hải: 07 đường và 01 phố							
10.1	Đường: 07 đường							

20	Đường Nguyễn Phúc Tần	Đại lộ Nam Sông Mã	Đại lộ Nguyễn Hoàng	1.196	15,0	1.196	16,5	Nguyễn Phúc Tần (1620 - 1687), quê ở Gia Miêu Ngoại Trang, nay thuộc xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Chúa thứ tư của Dòng họ Nguyễn (STT 186 Trang 138, NQ 90) <i>Cụm danh nhân là các Vua, Chúa và quan lại thời Nguyễn như Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Tần, Nguyễn Tri Phương...</i>
21	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Phúc Tần	Đại lộ Nguyễn Hoàng	1.097	15,0	1.097	13,5	Nguyễn Tri Phương (1800-1873), người làng Chi Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một đại Danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn, là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình Nguyễn chống lại thực dân Pháp xâm lược ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873) (STT 280 Trang 87, NQ 90) <i>Cụm danh nhân là các Vua, Chúa và quan lại thời Nguyễn.</i>
22	Đường Trịnh Hữu Thường	Đường Trần Tiến Quân	Đại lộ Nguyễn Hoàng	1.197	15,0	1.197	21,0	Trịnh Hữu Thường (1910-2004), quê ở làng Vực Thượng, tổng Nam Dương (nay thuộc xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là lão thành Cách mạng, Chủ tịch Mặt trận Việt Minh tỉnh, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 218 Trang 143, NQ 90) <i>Cụm các Chiến sĩ Cách mạng kiên trung, từng hoạt động lãnh đạo phong trào cách mạng tại thành phố Thanh Hóa. Đồng chí Trịnh Hữu Thường là Bí thư Thị ủy từ 01/1953-12/1953 (Trang 634, Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa 1945 - 2015)</i>
23	Đường Lưu Cộng Hòa	Đường Trần Tiến Quân	Đường Võ Chí Công	999	10,5	999	13,0	Lưu Cộng Hòa (1915 - 1988), còn có tên gọi khác Lưu Văn Bản, quê xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 75 Trang 124, NQ 90). <i>Cụm các Chiến sĩ Cách mạng kiên trung, từng hoạt động lãnh đạo phong trào cách mạng tại thành phố Thanh Hóa. Năm 1945, Đồng chí Lưu Văn Bản được Tỉnh bộ Việt Minh cử về chỉ đạo phong trào cách mạng tại thị xã Thanh Hóa. Tại một hội nghị ở Trụ sở Tri tân học hội, đã bầu BCH Thị bộ Việt Minh do đồng chí Lưu Văn Bản làm Chủ nhiệm (Trang 109, Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa 1945 - 2015)</i>

24	Đường Trần Tiến Quân	Đại lộ Nam Sông Mã	Đại lộ Hùng Vương	1.069	20,5	1.069	36,0	Trần Tiến Quân (1917- 1993), tên thật là Trịnh Huy Lăng, quê ở làng Phúc Tường, tổng Sóc Sơn (nay thuộc xã Vinh Hòa, Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hóa, là Lão thành Cách mạng, Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 158 Trang 135, NQ 90) <i>Cụm các Chiến sĩ Cách mạng kiên trung, từng hoạt động lãnh đạo phong trào cách mạng tại thành phố Thanh Hóa. Đồng chí Trần Tiến Quân là Bí thư chi bộ, Bí thư Thị ủy từ 11/1945-12/1946 (Trang 634, Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa 1945 - 2015)</i>
25	Đường Đinh Chương Lân	Đại lộ Nam Sông Mã	Đường Lưu Cộng Hòa	923	10,5	923	20,5	Đinh Chương Lân (1920 – 1998), quê ở xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 105 Trang 128, NQ 90) <i>Cụm các Chiến sĩ Cách mạng kiên trung, từng hoạt động lãnh đạo phong trào cách mạng tại thành phố Thanh Hóa. Cuối năm 1944, Tỉnh ủy phân công đồng chí Đinh Chương Lân phụ trách thành phố Thanh Hóa và khu vực Hoằng Hóa (Trang 86, Lịch sử Đảng bộ thành phố Thanh Hóa 1945 - 2015)</i>
26	Đường Đặng Châu Tuệ	Phố Hoàng Đạo	Đại lộ Hùng Vương	841	10,5	841	17,5	Đặng Châu Tuệ (?- 1987), quê ở Thái Bình, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 18 Trang 114, NQ 90) <i>Năm 1941, tại Hang Treo, đội du kích của chiến khu gồm 21 chiến sĩ, do đồng chí Đặng Châu Tuệ chỉ huy, được thành lập. Đây là đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Sự ra đời và hoạt động của Đội du kích Chiến khu Ngọc Trạo là đỉnh cao của phong trào khởi nghĩa vũ trang ở Bắc Trung bộ, là tiền thân của lực lượng vũ trang Thanh Hoá sau này. Tuyến đường đặt tên Đặng Châu Tuệ gắn với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.</i>
10.2	Phố: 01 phố							

27	Phố Hoàng Đạo	Đại lộ Nguyễn Hoàng	Đường Đồng Lễ	565	10,5	565	20,5	Hoàng Đạo (1914- 2007), tên thật là Nguyễn Văn Hoàng, quê ở Dĩ An, tỉnh Bình Dương, từng làm Trưởng Ty Công an Thanh Hóa. Ông đã chỉ đạo các hoạt động dẹp bọn phản động; Hoàng Đạo trong vai Quốc vụ Khanh cùng Nguyễn Thị Lợi (vai phu nhân Quốc Vụ Khanh) tham gia đánh chiến hạm Amyot D'Inville tại biển Sầm Sơn, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 04 Trang 112, NQ 90) <i>Đặt tên danh nhân Hoàng Đạo từng làm Trưởng Ty Công an Thanh Hóa cho tuyến phố gần với trụ sở Trung tâm hành chính thành phố, trụ sở Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh nhằm ghi nhớ những chiến công của danh nhân Hoàng Đạo đối với sự nghiệp cách mạng, đảm bảo an ninh quốc phòng.</i>
I. 3	Nhóm các phường: Đông Sơn, Quảng Thịnh, Đông Vệ (phía Nam sông Nhà Lê), Quảng Thành, Quảng Đông (Quy hoạch phân khu số 03 và một phần khu vực số 8)							
11	Phường Đông Sơn: 0							
12	Phường Đông Vệ: 05 phố							
28	Phố Lê Quang Giáp	Phố Lê Trung Giã	Đường Quang Trung	350	7,5	370	17,5	Lê Quang Giáp (1584- 1669), quê ở xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa, làm Tham tán trị thừa chánh sứ ty và là nhà ngoại giao tài năng dưới thời Lê Trung hưng (STT 61 Trang 122, NQ 90) <i>Cụm danh nhân Nhà Lê tại phường Đông Vệ</i>
29	Phố Lê Hy Cát	Đường Lê Dụ Tông	Đường Lê Hiến Tông	305	10,5	305	10,5	Lê Hy Cát (1425 - 1480), quê ở làng Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân), là Đại Đô đốc dưới thời Lê sơ, từng đi sứ nhà Minh (STT 16 Trang 116, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê tại phường Đông Vệ</i>
30	Phố Nguyễn Ngọc Huyền	Khu chung cư C5, phường Đông Vệ	Đường Lê Hiến Tông	304	10,5	305	10,5	Nguyễn Ngọc Huyền (1685 – 1743), quê xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng thời Lê Trung hưng (STT 144 Trang 69, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê tại phường Đông Vệ</i>

31	Phố Nguyễn Đình Quế	Phố Lê Quang Giáp	Đường Trịnh Kiểm	540	10,5	572	17,5	<p>Nguyễn Đình Quế (1637 - ?), quê làng Lam Vĩ, xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, ông còn có tên là Nguyễn Đình Tường, là con trai duy nhất, lại mồ côi cha mẹ từ nhỏ, song là người học hành chăm chỉ, siêng năng luyện tập võ nghệ. Ông còn là người phong tư hùng dũng, sức mạnh hơn người, lỗi lạc và có chí lớn. Ông thường nói rằng: “người con trai mà không làm được công việc oanh liệt, chỉ làm một tên phu ở hương thôn, như thế là sống thừa mà thôi” rồi ông tham gia quân đội, giúp vua Lê đánh giặc lập công và được làm đến chức Phụ Quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ, Tả Đô đốc đồng Tri Thái bảo, tước Tường Quận công (sau khi mất được Nhân dân bầu hậu Phúc thần, triều đình ban sắc cho Nhân dân thờ cúng và phong cho thần là Dũng lược Đại Vương) (STT 111 Trang 171, NQ 33)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê tại phường Đông Vệ</i></p>
32	Phố Lê Bồi	Phố Phạm Cuồng	Phố Lê Thiều Dĩnh	300	7,5	300	7,5	<p>Lê Bồi (?-?), người làng Nguyễn Xá, huyện Lương Giang(nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là danh tướng thời Lê, là một trong số 18 người tham dự Hội thề Lũng Nhai, tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (STT 20 Trang 54, NQ 90)</p> <p><i>Cụm danh nhân nhà Lê</i></p>
13	Phường Quảng Thịnh: 02 đường và 02 phố							
13.1	Đường: 02 đường							
33	Đường Nguyễn Văn Khuê	Đường Quang Trung	Đường Trịnh Tuệ	1.100	7,5	1.127	7,5	<p>Nguyễn Văn Khuê (? - ?), quê xã Bát Quàn, huyện Quảng Xương (nay là phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa). Năm 1610, ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (STT 61 Trang 161, NQ 33).</p> <p><i>Danh nhân quê quán tại phường Quảng Thịnh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i></p>

34	Đường Trịnh Tuệ	Đường Quang Trung	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1.600	7,5	1.620	25,0	Trịnh Tuệ (1701 - ?), quê ở làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (nay là xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc) tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư, Tham tụng, Tế tửu Quốc Tử giám thời Lê Trung hưng (STT 412 Trang 107, NQ 90) <i>Trịnh Tuệ là Thượng thư, Tham tụng, Tế tửu Quốc Tử giám thời Lê Trung hưng. Về già sống tại Làng Voi, phường Quảng Thịnh.</i>
13.2	Phố: 02 phố							
35	Phố Cao Xuân Thăng	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Cuối khu dân cư tổ dân phố Thịnh Vạn	510	6,0	576	20,5	Cao Xuân Thăng (1955 - 1984), quê xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ (STT 14 Trang 152, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>
36	Phố Đỗ Xuân Diễn	Đường Thái Bình	Cuối khu dân cư tổ dân phố Thịnh Ngọc	620	5,5	682	17,5	Đỗ Xuân Diễn (1932 - 2012), quê ở làng Thần Cốc, tổng Thái Lai (nay là Thôn Thần Cốc, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, là Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Anh hùng Lao động (STT 03 Trang 152, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>
14	Phường Quảng Thành: 01 đường và 07 phố							
14.1	Đường: 01							
37	Đường Thái Bình	Cầu Quán Nam	Tiếp giáp xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	2.000	7,5	2.485	17,5	Thái Bình: Là từ dùng để chỉ trạng thái yên ổn, không có loạn lạc, chiến tranh (STT 09 Trang 119, NQ 33) <i>Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội được lựa chọn để đặt tên đường, phố</i>
14.2	Phố: 07							
38	Phố Nguyễn Hoàng Dụ	Đường Trịnh Kiểm	Đường Vĩnh Yên	750	5,5	757	7,5	Nguyễn Hoàng Dụ (? – 1518), quê xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là tướng nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam (STT 68 Trang 59, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>

39	Phó Nguyễn Khiêm Ích	Đường Trịnh Kiểm	Giữa khu dân cư tổ dân phố Thành Yên	700	5,0	685	24,0	Nguyễn Khiêm Ích (1679 - 1740), tên hiệu là Kính Trai, quê gốc xã Kim Sơn, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội), là đại thần nhà Lê Trung hưng trong lịch sử Việt Nam (STT 154 Trang 70, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
40	Phó Phạm Phúc Lộc	Đường Trịnh Kiểm	Đường Âu Cơ	500	10,5	504	17,5	Phạm Phúc Lộc (? - ?), quê huyện Cẩm Thủy, Lê triều Thái Bảo điện tiền tả tướng quân là Tả Đô đốc Phủ Khải Minh hầu Phạm Tướng công, vì có công trung hưng lại nhà Lê nên được triều đình nhà Lê Trung Hưng phong tước hầu. (STT 79 Trang 164, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
41	Phó Nguyễn Văn Giảng	Đường Võ Nguyên Giáp	Trường Đại học Hồng Đức	786	6,5	786	24,0	Nguyễn Văn Giảng (1903- 1998), quê làng Châu Xuyên, thị xã Bắc Giang (nay thuộc phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang sau chuyển vào sinh sống tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 05 Trang 112, NQ 90) <i>Đồng chí Nguyễn Văn Giảng cùng với các đồng chí Phạm Tiến Năng, Đái Xuân Lữ bí mật treo cờ đỏ búa liềm trên Cây đa làng Si (xã Quảng Chính) hưởng ứng Ngày Quốc tế lao động 01/5/1931, ủng hộ Xô viết - Nghệ Tĩnh.</i>
42	Phó Phạm Tiến Năng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Chi Lăng	820	6,0	1.118	17,5	Phạm Tiến Năng (1900 – 1953), quê làng Thủ Lộc, tổng Thủ Chính (nay thuộc xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 130 Trang 131, NQ 90) <i>Đồng chí Nguyễn Văn Giảng cùng với các đồng chí Phạm Tiến Năng, Đái Xuân Lữ bí mật treo cờ đỏ búa liềm trên Cây đa làng Si (xã Quảng Chính) hưởng ứng Ngày Quốc tế lao động 01/5/1931, ủng hộ Xô viết - Nghệ Tĩnh.</i>
43	Phó Hoàng Thị Lý	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu khu dân cư tổ dân phố Minh Trai	600	5,5	605	25,0	Hoàng Thị Lý (1913- 2004), quê xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ có 04 người con là liệt sĩ (STT 05 Trang 154, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>

44	Phố Nguyễn Hoành	Đường Chi Lăng	Đường Thái Bình	900	5,5	903	25,0	Nguyễn Hoành (1741 - ?), quê làng Thiên Linh Đông (nay là xã Quảng Yên), huyện Quảng Xương. Nguyễn Hoành tức Nguyễn Viết Hoành, năm Bình Ngô (1786), ông thi trường Nghệ An, đỗ Hương Cống, làm Cai huyện Nông Cống. Năm 1790, ông vào kinh đô Phú Xuân thi Y khoa và đỗ đầu. Ông được vua Quang Trung sai giữ y vụ kiêm Ngự y chính rồi Chánh cục Nam dược cục. Ông có công biên soạn sách “Nam dược bản thảo”, chỉnh lý tập “Y học nhập môn ca” của Viện Thái y đời Hậu Lê thành “Y học toát yếu quốc ngữ ca” (STT 46 Trang 157, NQ 33). <i>Cụm danh nhân là các quan, tướng của vua Quang Trung</i>
15	Phường Quảng Đông: 03 đường và 04 phố							
15.1	Đường: 03 đường							
45	Đường Lê Quang Liệu	Đường An Dương Vương	Tiếp giáp xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	2.400	7.5	3.050	14,0	Lê Quang Liệu (1917-2004), quê làng Hòa Chung, tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương (nay là phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 111 Trang 129, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i> <i>Ngày 26/02/1946, tại nhà đồng chí Lê Quang Liệu ở làng Hòa Chung, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương (nay là tổ dân phố Khang Thái, phường Quảng Thọ, TP Sầm Sơn), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa kết nạp ba cán bộ Việt Minh gồm: Lê Quang Liệu, Vũ Thanh Long, Hà Văn Tuyên vào Đảng đồng thời thành lập chi bộ đảng đầu tiên ở huyện Quảng Xương. Cũng tại làng Hòa Chung, cuối tháng 12/1947, diễn ra đại hội đầu tiên của đảng bộ huyện Quảng Xương.</i>
46	Đường Lê Bá Trí	Đường An Dương Vương	Đường Lê Quang Liệu	2.069	7,5	2.069	7,5	Lê Bá Trí (thế kỷ XVIII), còn có tên là Lê Bùi Vị, quê làng Nhân Hậu, xã Lưu vệ, tổng Lưu vệ, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia (nay là xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa), là Đô đốc Thái giám, Tả Đô đốc thời Lê Trung hưng, được ban chức Tả Đô đốc, tước Quận Công (STT 263 Trang 148, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>

47	Đường Đỗ Đức Mậu	Đường An Dương Vương	Cuối khu dân cư tổ dân phố Chính Hào	1.500	5,5	1.815	5,5	Đỗ Đức Mậu (? – 1886), quê ở xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam trường, tham gia Phong trào Cần Vương chống Pháp, được phong chức Tán Tương quân vụ của đạo quân Cần Vương huyện Quảng Xương (STT 124 Trang 130, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>
15.2	Phố: 04 phố							
48	Phố Đặng Huy Trứ	Đường Lê Quang Liệu	Tiếp giáp phường Quảng Thành	600	5,5	656	12,5	Đặng Huy Trứ (1825- 1874), quê Thừa Thiên Huế, là một nhà cải cách Việt Nam thời cận đại, Ông tổ nghề nhiếp ảnh ở Việt Nam và là người đầu tiên đưa kỹ nghệ đóng tàu phương Tây du nhập vào Việt Nam, Ông làm Thông phán Ty Bỏ chính Thanh Hóa, Tri huyện Quảng Xương (STT 23 Trang 114, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>
49	Phố Vũ Phi Trù	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp xã Quảng Định, huyện Quảng Xương	871	7,5	875	20,5	Vũ Phi Trù (1957-1988), quê xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ (STT 18 Trang 152, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>
50	Phố Nguyễn Văn Thát	Đường Lê Quang Liệu	Phố Nguyễn Công Thiệp	900	5,5	988	25,0	Nguyễn Văn Thát (1955 - 1975), quê xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương. Ông là Chiến sỹ Đại đội 1, Z23, Lữ đoàn 136, Đặc công biệt động, Bộ Tham mưu Miền Quân khu 7, hy sinh năm 1975. Do lập được nhiều chiến công, nhất là trong chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 09/10/2014 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Liệt sỹ Nguyễn Văn Thát tại Quyết định số: 2557/QĐ-CTN ngày 09/10/2014 (STT 27 Trang 189, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>

51	Phố Nguyễn Công Thiệp	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Văn Thát	602	5,5	602	5,5	Nguyễn Công Thiệp (1904 - 1991), quê làng Trường Tân, xã Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, nay là thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lao động (STT 06 Trang 153, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, được lựa chọn để đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây</i>
I. 4	Nhóm các phường: Đông Tân, Phú Sơn, An Hưng, Quảng Thắng (Quy hoạch phân khu số 04)							
16	Phường Đông Tân: 03 phố							
52	Phố Lại Đăng Tiến	Bờ sông Nhà Lê	Đường Vạn Lại - Yên Trường	950	7,0	1.017	7,5	Lại Đăng Tiến (1637-1722), quê xã Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661), làm quan đến chức Đề hình giám sát ngự sự. Khi mất, được tặng chức Tham chính (STT 220 Trang 143, NQ 90) <i>Tuyến phố đi qua khu vực có mộ phần của tiến sỹ Lại Đăng Tiến</i>
53	Phố Lê Vinh	Đường Vạn Lại - Yên Trường	Tiếp giáp phường An Hưng	850	7,5	868	7,5	Lê Vinh (1615- 1684), quê Xã An Hoạch, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa (nay là phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa), đỗ Đệ tam Giáp đồng Tiến sĩ, đời Lê Thánh Tông là Tả Thị lang thời Lê Trung hưng, khi mất được thăng Binh Bộ Thượng thư (STT 268 Trang 149, NQ 90) <i>Trên địa bàn phường Đông Tân có Đền thờ tiến sỹ Lê Vinh, vì vậy ưu tiên lựa chọn tên danh nhân Lê Vinh để đặt tên cho đường, phố tại phường Đông Tân</i>
54	Phố Trần Bá Tân	Đường Nguyễn Đình Thuần	Giữa khu dân cư tổ dân phố Tân Cội	550	7,5	558	7,5	Trần Bá Tân (1710 - ?), còn có tên khác là Huy Bất, quê huyện Đông Sơn (nay thuộc thành phố Thanh Hóa), là Thượng thư thời Lê Trung hưng (STT 183 Trang 138, NQ 90) <i>Tuyến phố đi qua khu vực có Đền thờ tiến sỹ Trần Bá Tân</i>
17	Phường Phú Sơn: 04 phố							

55	Phố Nguyễn Hữu Thường	Chợ Phú Sơn	Giữa khu dân cư Phú Sơn (mặt bằng quy hoạch số 73/UBND-CN)	550	7,5	525	17,5	Nguyễn Hữu Thường (1574 -1661), quê làng Hải Yến (nay là thôn Trường Lâm, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp (1637), là Tả Thị lang, Hữu Thị lang thời Lê Trung hưng, khi mất được phong Thượng thư, tước Quận công (STT 217 Trang 142, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
56	Phố Nguyễn Thứ	Phố Tây Sơn	Đường Nguyễn Thiếp	490	10,5	508	17,5	Nguyễn Thứ (1572 -?), quê ở huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Hoàng giáp (1598), làm quan tới chức Thái Thường Tự khanh thời Lê Trung hưng (STT 215 Trang 142, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
57	Phố Lê Thuyên	Đường Nguyễn Trãi	Giữa khu dân cư tổ dân phố Tân Thọ, phường Đông Tân	460	10,5	466	17,5	Lê Thuyên (thế kỷ XV-XVI), quê ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa, nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI, Ông có 5 bài thơ chép trong Toàn Việt thi lục (STT 213 Trang 142, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
58	Phố Lê Tranh	Đường Nguyễn Trãi, tổ dân phố Phú Thọ 4	Giữa khu dân cư tổ dân phố Tân Thọ, phường Đông Tân	520	10,5	598	17,5	Lê Tranh (1467-1500), quê Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân), tỉnh Thanh Hóa, là nhà thơ của Đại Việt thế kỷ XV-XVI (STT 233 Trang 144, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
18	Phường An Hưng: 04 đường và 07 phố							
18.1	Đường: 04 đường							
59	Đường Lê Trung Nghĩa	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp xã Đông Văn	3.700	7,5	3.711	20,5	Lê Trung Nghĩa (?-1786), người làng Tu, thôn Nhuệ, thuộc xã An Hoạch, tổng Quảng Chiêu, huyện Đông Sơn (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là quan thời Lê Trung hưng lãnh đạo quân dân Thanh Hóa chống lại quân Tây Sơn, tước là Mãn Trung Hầu giữ chức Tả đô đốc đời Lê Cảnh Hưng, có công dẹp giặc phương Nam (STT 135 Trang 132, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường An Hưng được ưu tiên để đặt tên cho đường, phố tại quê hương của danh nhân. Vị trí tuyến đường đi qua lăng Quận Mãn do Quận Công Lê Trung Nghĩa cho xây dựng trên chính quê hương mình.</i>

60	Đường Phạm Ngọc Chúc	Đường Lê Trung Nghĩa	Tiếp giáp xã Đông Văn	1.509	7,5	1.898	11,5	Phạm Ngọc Chúc (? - ?), quê huyện Quan Hóa, làm thượng tướng thống lĩnh quân. Ông được vua Lê Thế Tông (1573 - 1599) phong hàm tả tướng Thái úy và giữ chức Đặc tiến thượng tướng quân, quân dân Thái úy đại sứ ty, Quảng úy đại sứ tước phong Phú xuyên hầu trụ quốc trung trật (STT 09 Trang 149, NQ33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
61	Đường Nguyễn Vĩnh Lộc	Đường Lê Trung Nghĩa	Đường Trịnh Huy Quang	1.100	6,5	1.215	20,5	Nguyễn Vĩnh Lộc (thế kỷ XV), quê gốc ở Cổ Sách (nay thuộc huyện Cẩm Thủy), tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Hành khiển Lê sơ (STT 209 Trang 78, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
62	Đường Lê Luân	Đường Trịnh Kiểm	Đường Lê Trung Nghĩa	1.000	7,0	1.001	17,5	Lê Luân (? - 1454) quê xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân. Một võ quan có đóng góp cho khởi nghĩa Lam Sơn. Từ năm Giáp Thìn (1424) đến năm Đinh Mùi (1427), ông là một võ tướng luôn xông pha trên các chiến trường như: Trận đánh Khả Lưu (Nghệ An), Tốt Động (Hà Nội), Chi Lăng, Xương Giang (Lạng Sơn, Bắc Giang). Tháng 2 năm Mậu Thân (1428), vua ban thưởng, Lê Luân được phong Thiếu úy đồng tổng quan, Vệ Thiên Quan đại tri phủ (STT 82 Trang 165, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
18.2	Phố: 07							
63	Phố Trịnh Cảnh Thụy	Bờ sông Nhà Lê	Cầu Sắt	420	5,5	755	17,5	Trịnh Cảnh Thụy (1545-1617), người xã Chân Bái, huyện Yên Định (nay thuộc huyện Yên Định), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Nhâm Thìn (1592), từng giữ chức Đô Ngự sử thời Lê Trung hưng (STT 212 Trang 142, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
64	Phố Lê Quang Du	Đường Lê Trung Nghĩa	Trạm y tế phường An Hưng	770	5,5	861	5,5	Lê Quang Du (1437 - ?), quê ở xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông đỗ Hoàng giáp năm 1475, là Giám sát Ngự sử thời Lê sơ, từng đi sứ nhà Minh (STT 39 Trang 119, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>

65	Phó Lại Thế Khanh	Đường Trịnh Kiểm	Đường Lê Luân	700	10,5	700	10,5	Lại Thế Khanh (? – 1597), quê ở làng Quang Lăng, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là Võ tướng, Thái phó thời Lê Trung hưng (STT 90 Trang 126, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
66	Phó Nguyễn Sỹ Lý	Đường Trịnh Kiểm	Đường Lê Luân, tổ dân phố Thăng Sơn	550	10,5	567	17,5	Nguyễn Sỹ Lý (?-1593), quê xã Bình Lâm huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung (nay xã Hà Lâm, huyện Hà Trung), tỉnh Thanh Hóa, là Thượng Tướng quân, tước Thái quận công thời Lê Trung hưng (STT 120 Trang 130, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
67	Phó Nguyễn Hữu Hồng	Đường Trịnh Kiểm	Phó Lại Thế Khanh	466	10,5	466	17,5	Nguyễn Hữu Hồng (? - ?), quê thị xã Nghi Sơn, ông có công phò vua Lê Trung Hưng, đời Lê Cảnh Hưng, được phong Dũng lực tướng quân, Trung liệt Đại tướng quân, hiệu Tư trảng sỹ. Ông có công khai cơ lập nghiệp, đắp đê ngăn mặn, lấy đất cấy lúa nên được dân làng phụng thờ. Đền thờ ông nay thuộc thôn Phương Cát, xã Thanh Thủy. Di tích được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (STT 157 Trang 49, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
68	Phó Nguyễn Hoa	Giữa khu dân cư tổ dân phố Mật Sơn 3	Phó Lại Thế Khanh	384	10,5	384	10,5	Nguyễn Hoa (1701 - 1783), quê ở làng Bột Thượng (nay là xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Hương cống, làm quan đến chức Hiến sát sứ thời Lê Trung hưng (STT 73 Trang 124, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
69	Phó Nguyễn Lại	Đường Trịnh Kiểm, tổ dân phố Mật Sơn 3	Phó Lại Thế Khanh	419	10,5	419	10,5	Nguyễn Lại (1581 - ?), quê ở huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Tả Thị lang, Bồi tụng thời Lê Trung hưng (STT 97 Trang 127, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
19	Phường Quảng Thắng: 0							
1.5	Nhóm các phường, xã: Thiệu Khánh, Thiệu Vân, Thiệu Dương, Đông Cương, Đông Lĩnh, Hàm Rồng (Quy hoạch phân khu số 05 và 06)							
20	Phường Thiệu Khánh: 03 đường và 06 phố							
20.1	Đường: 03 đường							

70	Đường Lê Bá Ly	Chùa Vòm	Trường THCS Thiệu Dương	4.020	7,5	4.393	20,5	Lê Bá Ly (thế kỷ XV - XVI), quê ở làng Cổ Phạm (nay thuộc huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, là Binh chương quận quốc trọng sự, tước Diên quốc công dưới thời Lê Trung hưng (STT 119 Trang 130, NQ 90). <i>Theo Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lê Bá Ly người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn, nay thuộc phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa.</i>
71	Đường Trần Văn Phú	Chùa Vòm	Tiếp giáp xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa	1.400	7,5	1.459	20,5	Trần Văn Phú (1749 - 1830), quê Văn Hà, huyện Thụy Nguyên (nay là thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa). Ông làm quan thời Lê Trung Hưng, chức Phó Thiên hộ, Tri uy Tướng quân, Thủ ngự Tổng tri Phi kỵ úy kiêm Tổng Tri, hạng Trung ché, đồng thời là cha của Vệ úy Túc Vũ vệ Trần Văn Vĩnh quan thời Nguyễn, được phong “Tín nghĩa Đô úy Phó quản cơ, tên thụy là Tráng Nghĩa” (STT 103 Trang 170, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
72	Đường Trần Hữu Nho	Đường Tư Phố	Đường Hoàng Văn Quế	1.300	6,5	1.303	20,5	Trần Hữu Nho (?-?) quê làng Cổ Đô, huyện Đông Sơn (sau thuộc xã Thiệu Đô, nay thuộc thị trấn Thiệu Hóa). Ông đỗ Hoàng giáp khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490), đời vua Lê Thánh Tông. Làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang. (NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
20.2	Phố: 06 phố							
73	Phố Nguyễn Lệnh Tân	Đường Trần Văn Phú	Đường Tư Phố	530	5,5	544	12,0	Nguyễn Lệnh Tân (1726-1778), quê xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763), là người trung vua, yêu nước, thương dân, liêm chính, thanh đạm (STT 184 Trang 138, NQ 90). <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>

74	Phó Đỗ Khải	Phó Lê Văn Thạc	Chùa Quy Cốc Tự	538	5,5	538	5,5	Đỗ Khải (? - ?) quê làng Phùng Thịnh, huyện Thụy Nguyên (nay là xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa). Trong kỳ thi Hương, ông đỗ cử nhân khoa Mậu Thân, niên hiệu Tự Đức thứ 1 (1848), tại trường thi Thanh Hóa. Ông đỗ Phó bảng khoa Kỷ Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ 2 (1849). Ông làm quan đến chức Tri huyện (STT 54 Trang 159, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
75	Phó Lê Văn Thạc	Phó Nguyễn Đồng Lâm	Đường Tư Phó	480	5,0	919	5,0	Lê Văn Thạc (1782-1876), quê thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đốc học thời nhà Nguyễn và là nhà giáo, nhà thơ của Việt Nam thế kỷ XIX (STT 190 Trang 139, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
76	Phó Nguyễn Đồng Lâm	Đường Lê Bá Ly	Đường Tư Phó	640	5,5	662	13,5	Nguyễn Đồng Lâm (1679 - ?) quê làng Ngọc Hoạch, huyện Thụy Nguyên (nay là thôn Tân Sơn, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa). Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710), đời vua Lê Dụ Tông. Ông làm quan đến chức Giám sát Ngự sử (STT 72 Trang 163, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
77	Phó Lê Xuân Phú	Đường Lê Bá Ly	Công sở phường Thiệu Khánh	530	5,5	653	13,5	Lê Xuân Phú (1880-1936), quê ở huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, sau về quê làm nghề dạy học cùng với anh trai, sáng tác nhiều thơ, văn tiến bộ để khích lệ tinh thần yêu nước, thương nòi của nhân dân (STT 152 Trang 134, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>

78	Phố Lê Xuân Mai	Đường Lê Bá Ly	Đường Tư Phố	630	5,0	667	13,5	Lê Xuân Mai (1871- 1913), người làng Dương Phong, tổng Phùng Cầu, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là nho sĩ yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, đỗ “Giải Nguyên”, làm quan tới chức Huân đạo huyện Quảng Xương (STT 122 Trang 130, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
21	Phường Thiệu Dương: 02 đường và 02 phố							
21.1	Đường: 02							
79	Đường Lê Quảng Du	Đường Lê Bá Ly	Đê hữu sông Mã	1.346	5,5	1.409	5,5	Lê Quảng Du (1437 - ?), quê làng Lỗ Hiền, huyện Lôi Dương (nay là thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa). Năm 39 tuổi, ông đỗ Hoàng giáp khoa Ất Mùi, niên hiệu Hồng Đức thứ 6 (1475), đời vua Lê Thánh Tông. Ông từng đi sứ sang nhà Minh (năm 1492), sau được thăng đến chức Giám sát Ngự sử (STT 24 Trang 152, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
80	Đường Dương Tam Kha	Đền Dương Đình Nghệ	Đường Tư Phố	1.200	7,5	1.270	13,5	Dương Tam Kha (?-?), quê làng Dương Xá, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là người có công lớn trong đánh nhà Hán, là vị tướng giỏi thứ hai sau Dương Đình Nghệ, là một vị vua Việt Nam, trị vì 6 năm, từ 944 đến 950, xen giữa nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam (STT 157 Trang 70, NQ 90) <i>Dương Tam Kha là con của Dương Đình Nghệ, vì vậy được chọn để đặt tên cho tuyến đường qua khu vực Đền Dương Đình Nghệ và công sở phường Thiệu Dương.</i>
21.2	Phố: 02 phố							

81	Phố Lê Thế Quán	Đường Lê Quảng Du	Tiếp giáp phường Hàm Rồng	900	5,5	1.652	5,5	Lê Thế Quán (? - ?) quê làng Bái Giao, huyện Đông Sơn (nay là thôn Bái Giao, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa). Trong kỳ thi Hương, ông đỗ Cử nhân khoa Canh Tý, niên hiệu Minh Mạng thứ 21 (1840), tại trường thi Nghệ An. Ông đỗ Phó bảng khoa Nhâm Dần, niên hiệu Thiệu Trị thứ 2 (1842). Ông làm quan đến chức Đồng tri phủ (STT 107 Trang 170, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
82	Phố Trịnh Đồng Giai	Đền Hạ	Tiếp giáp phường Hàm Rồng	800	5,0	1.511	5,0	Trịnh Đồng Giai (1697 - ?), quê xã Ngọc Hoạch, huyện Thụy Nguyên (nay là thôn Tân Sơn, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa). Năm 25 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi Tân Sửu, niên hiệu Bảo Thái thứ 2 (1721), đời vua Lê Dụ Tông. Ông làm quan đến chức Hàn Lâm viện Đãi chế (STT 32 Trang 154, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
22	Xã Thiệu Vân: 03 đường và 03 phố							
22.1	Đường: 03							
83	Đường Hoàng Văn Quế	Đường Trần Hữu Nho	Đường Dương Xá	2.600	7,5	2.670	20,5	Hoàng Văn Quế (1903-1946), còn có tên gọi là Hoàng Văn Quý và Nguyễn Thế Quý, quê làng Yên Lộ, xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 163 Trang 135, NQ 90) <i>Hoàng Văn Quế là Bí thư Huyện ủy đầu tiên của huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa trước đây</i>

84	Đường Trịnh Cao Đệ	Tiếp giáp xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa	Đường Hoàng Văn Quế	2.200	7,5	2.260	20,5	Trịnh Cao Đệ (1630 - 1706) tức là Trịnh Đăng Đệ, quê xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên (nay thuộc thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa). Năm 21 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa xuất thân khoa thi Canh Dần, niên hiệu Khánh Đức thứ 2 (1650), đời vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Thái thường Tự khanh. Sau khi mất, ông được tặng Tả Thị lang, tước Hầu (STT 17 Trang 151, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>
85	Đường Ngô Ngọc Vũ	Đường Trịnh Cao Đệ	Đường Tư Phó	1.200	5,0	1.232	19,0	Ngô Ngọc Vũ (? - 1945), quê ở Thiệu Vũ, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tham gia Chiến khu Ngọc Trạo, là Ủy viên Phủ ủy Thiệu Hóa thời kỳ trước 1945, trong cuộc chiến đấu chống Nhật về khùng bố, Ông chỉ huy tự vệ phục kích địch và đã anh dũng hy sinh (STT 270 Trang 149, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa trước đây</i>
22.2	Phố: 03							
86	Phố Hoàng Khắc Trung	Đường Hoàng Văn Quế	Đường Trịnh Cao Đệ	800	5,5	997	17,5	Hoàng Khắc Trung (?-?), quê xã Thiệu Minh (nay là thị trấn Hậu Hiền), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 241 Trang 145, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i>

87	Phó Ngô Ngọc Toàn	Phó Hoàng Khắc Trung	Tiếp giáp xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa	616	7,5	616	17,5	<p>Ngô Ngọc Toàn (1897- 1963), bí danh Ngọc, quê làng Yên Lộ, tổng Phù Chân, phủ Thiệu Hóa (nay là xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 189 Trang 139, NQ 90)</p> <p><i>Ngày 10/7/1930, Hội nghị thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam phủ Thiệu Hóa được tiến hành tại làng Phúc Lộc (xã Thiệu Tiến). Dự Hội nghị có các đồng chí: Nguyễn Doãn Cháp (đại diện Xứ ủy Bắc Kỳ), Vương Xuân Cát, Ngô Ngọc Toàn, Hoàng Trọng Bình, Lê Xuân Mạc. Đồng chí Nguyễn Doãn Cháp chủ trì Hội nghị. Hội nghị đã bầu đồng chí Vương Xuân Cát làm Bí thư Chi bộ.</i></p> <p><i>Ngày 20/8/1945, tại phủ Thiệu Hóa, một cuộc mít-ting lớn đã được tổ chức với sự tham gia của hàng ngàn tự vệ và quần chúng nhân dân trong toàn phủ. Tại đây Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời do đồng chí Ngô Ngọc Toàn làm Chủ tịch đã ra mắt trước Nhân dân.</i></p>
88	Phó Hoàng Tiến Trình	Đường Trịnh Cao Đệ	Phó Hoàng Khắc Trung	760	5,0	763	17,5	<p>Hoàng Tiến Trình (1915-1983), quê xã Thiệu Minh (nay là thị trấn Hậu Hiền), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Chiến sĩ Cách mạng trung kiên của tỉnh Thanh Hóa (STT 240 Trang 145, NQ 90)</p> <p><i>Danh nhân quê quán tại huyện Thiệu Hóa, được lựa chọn để đặt tên đường, phố trên địa bàn các xã, phường trước đây thuộc huyện Thiệu Hóa</i></p>
23	Phường Đông Cương: 05 phố							
89	Phó Vũ Uy	Phó Đông Thổ	Phó Chùa Tăng Phúc	350	7,5	350	7,5	<p>Vũ Uy (? –1424), còn gọi là Lê Uy, quê ở làng Thụ Mệnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng Thiếu úy dưới thời Lê sơ (STT 425 Trang 109)</p> <p><i>Tuyến phố đi qua khu vực gần đền Đức Thánh Cả thờ danh tướng Lê Uy.</i></p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê tại khu vực phường Đông Cương gồm: Lê Thành, Lê Trung, Lê Thủy, Lê Duyệt, Vũ Uy...</i></p>

90	Phố Lê Trung	Đường Đông Khôi	Đường Đại Khôi	410	7,5	424	76,0	Lê Trung (? - ?), quê thành phố Thanh Hóa. Ông cùng Lê Thùy và Lê Duyên là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành; các ông được sinh ra và lớn lên tại làng Định Hòa đã có công phò Vua, giúp nước dưới triều Lê Sơ và đều được phong Tước hiệu. Hiện đang được thờ cùng tại Đền thờ Tướng quân Lê Thành, Làng Định Hòa, phường Đông Cương (STT 145 Trang 179, NQ33) <i>Lê Trung cùng Lê Thùy và Lê Duyên là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau</i>
91	Phố Lê Đình Kiên	Đình làng Đại Khôi	Đường Đại Khôi	360	7,5	360	76,0	Lê Đình Kiên (1622 - 1704), quê làng Bái Trại (nay thuộc xã Định Tường), huyện Yên Định, là Tổng trấn thời Lê Trung hưng (STT 177 Trang 73, NQ 90) <i>Cụm danh nhân Nhà Lê như Lê Thành, Lê Duyên, Lê Trung, Lê Thùy, Lê Đình Kiên.</i>
92	Phố Lê Thùy	Sân bóng tổ dân phố Định Hòa	Đường Lê Thành	470	6,0	501	41,0	Lê Thùy (? - ?), quê thành phố Thanh Hóa. Ông cùng Lê Duyên và Lê Trung là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành; các ông được sinh ra và lớn lên tại làng Định Hòa đã có công phò Vua, giúp nước dưới triều Lê Sơ và đều được phong Tước hiệu. Hiện đang được thờ cùng tại Đền thờ Tướng quân Lê Thành, làng Định Hòa, phường Đông Cương (STT 132 Trang 176, NQ 33) <i>Lê Thùy cùng Lê Duyên và Lê Trung là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành được ưu tiên đặt tên gần nhau</i>
93	Phố Lê Duyên	Đường Định Hòa	Đường Lê Thành	800	5,5	834	20,5	Lê Duyên (? - ?), quê thành phố Thanh Hóa. Ông cùng Lê Thùy và Lê Trung là 03 người con trai của Tướng quân Lê Thành; các ông được sinh ra và lớn lên tại làng Định Hòa đã có công phò Vua, giúp nước dưới triều Lê Sơ và đều được phong tước hiệu. Hiện đang được thờ cùng tại đền thờ Tướng quân Lê Thành, làng Định Hòa, phường Đông Cương (STT 28 Trang 153, NQ 33) <i>Lê Duyên là con trai của Tướng quân Lê Thành được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau</i>
24	Phường Đông Lĩnh: 04 đường							

94	Đường Thống Nhất	Tiếp giáp xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa	Đường Lê Thế Long	2.472	7,5	2.472	17,5	<p>Thống nhất: Là mong muốn của toàn dân khi đất nước bị thực dân Pháp chia thành 3 kỳ và khi đất nước tạm thời bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ. Là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc ta, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giang sơn thu về một mối, cả nước cùng đi lên xây dựng CNXH theo con đường Cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn cho toàn dân tộc (STT 08 Trang 39, NQ 90).</p> <p><i>Tuyến đường Thống Nhất đã được gọi tên từ xa xưa, in sâu vào tiềm thức của Nhân dân.</i></p>
95	Đường Lê Sao	Đường Thống Nhất	Đường Ngô Văn Thông	2.700	7,5	2.766	17,5	<p>Lê Sao (? – 1452), quê ở Lam Sơn, huyện Lương Giang (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Thiếu bảo dưới thời Lê sơ (STT 288 Trang 88, NQ 90)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê</i></p>
96	Đường Ngô Văn Thông	Phố Lê Duyên	Đường Lê Thế Long	2.400	7,5	3.523	76,0	<p>Ngô Văn Thông (1475 - ?), người làng Sơn Viên (nay thuộc xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn(1508), làm quan đến chức Thượng thư (STT 206 Trang 141, NQ 90)</p> <p><i>Danh nhân quê quán tại phường Đông Lĩnh được ưu tiên để đặt tên cho đường, phố tại quê hương của danh nhân.</i></p>
97	Đường Trịnh Thiết Trường	Đường Lê Sao	Đường Thống Nhất	1.650	7,0	1.804	37,5	<p>Trịnh Thiết Trường (thế kỷ XV), quê thôn Đắc Chí, xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là Thượng thư thời Lê sơ. Ông thi đỗ Đồng Tiến sĩ xuất thân, Bảng nhãn. Nhờ có tài năng, đức độ, Trịnh Thiết Trường được các vua Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, Lê Thánh Tông trọng dụng và tin dùng (STT 406 Trang 106, NQ 90)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê</i></p>
25	Phường Hàm Rồng: 0							
I. 6	Nhóm các phường: Tào Xuyên, Long Anh, Hoàng Quang và Hoàng Đại (Quy hoạch Phân khu số 07)							
26	Phường Tào Xuyên: 08 đường và 08 phố							
26.1	Đường: 08 đường							

98	Đường Lê Công Trinh	Đường Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa	1.100	6,0	1.673	27,0	<p>Lê Công Trinh (? - ?) (Linh Thông Tôn Thần), quê thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng, huyện Hoàng Hóa. Là vị tướng nhà Lê, có nhiều công lao trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, sau phò vua Lê Nhân Tông, có công lớn trong dẹp giặc Đồn Bàn, được triều đình ban thưởng và cho phép lập đồn điền, khai khẩn đất hoang, chiêu dân lập ấp. Theo truyền thuyết, sau khi Ngài qua đời thường hiện thánh giúp đỡ Nhân dân địa phương, hiển linh âm phù vua Lê đánh Nhà Mạc. Những công lao to lớn của Ngài đối với quê hương, đất nước đều vang danh qua các triều đại (STT 142 Trang 178, NQ 33)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê. Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>
99	Đường Lê Công Phụ	Đường Lê Công Trinh	Phố Phạm Đức Kỳ	930	5,5	975	11,0	<p>Lê Công Phụ (Linh Quang tôn Thần) (? - ?), quê thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng, huyện Hoàng Hóa. Là danh tướng có công lao to lớn giúp vua Lê chống lại giặc Minh, sau đó cùng vua Lê Nhân Tông dẹp giặc Đồn Bàn, được triều đình ban thưởng và ban đất ở vùng Phụng Mao để lập đồn điền, khai hoang lập ấp. Vì vậy, sau khi mất, được dân làng thờ phụng và tôn làm Thành Hoàng làng. Trải qua thời gian và chiến tranh, nghề thờ thần bị phá hủy, người dân rước thần về thờ phụng tại đình làng. Năm 1991, đình làng Phụng Mao đã được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh tại Quyết định số 35/VHQĐ ngày 24/12/1991 (STT 104 Trang 170, NQ 33)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê. Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>

100	Đường Lưu Đình Chất	Tiếp giáp xã Hoàng Hợp, huyện Hoàng Hóa	Đường Văn Tiến Dũng	2.000	7,5	2.018	11,5	Lưu Đình Chất (1566- 1627), quê ở làng Quý Chử, xã Hoàng Quý, Hoàng Hóa. Là Thượng thư, Tham tụng, tước Phúc quận công thời Lê Trung hưng, Ông để lại nhiều áng thơ văn hay, hiện nay có 19 bài được chép trong Toàn Việt thi lục của Lê Quý Đôn (STT 23 Trang 117) <i>Cụm danh nhân thời Lê. Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
101	Đường Nguyễn Xuân	Đường Văn Tiến Dũng	Đường Lưu Đình Chất	1.070	7,5	1.081	20,5	Nguyễn Xuân (1831 - ?), quê làng Tào Xuyên, xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa (nay thuộc thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Án sát thời Nguyễn, Lãnh tụ Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa (STT 272 Trang 149, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Tào Xuyên được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
102	Đường Nguyễn Quang Ích	Tiếp giáp xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa	Đường Nguyễn Quang Tuyên	1.200	6,5	1.256	41,0	Nguyễn Quang Ích ((1620-1690), quê ở làng Cát Xuyên (nay là xã Hoàng Cát), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Đông quân Đô đốc phủ, Đô đốc Thiêm sự Thượng trụ quốc Thượng giai thời Lê Trung hưng, tham gia quân ngũ chiến đấu bảo vệ triều đình Nhà Lê - Trịnh (STT 86 Trang 126, NQ 90). <i>Cụm danh nhân thời Lê. Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
103	Đường Nguyễn Quang Tuyên	Tiếp giáp xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa	Đường Văn Tiến Dũng	1.230	7,5	1.230	16,5	Nguyễn Quang Tuyên (? - 1665), quê làng Cát Xuyên, xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đầu quân theo Trịnh Tùng "phù Lê diệt Mạc", làm quan tới chức Đề đốc thời Lê Trung hưng (STT 258 Trang 148, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê. Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>

104	Đường Đỗ Xuân Cát	Đường Văn Tiến Dũng	Phố Cao Văn Khang	2.400	7,0	2.470	16,5	Đỗ Xuân Cát (1806 - 1864), quê làng Yên Vực, xã Hoàng Long, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), là Tri phủ thời Nguyễn, có tài văn chương, nhà nghiên cứu về thiên văn, luật lịch đồ chí, ngoài ra Ông còn là một thầy giáo giỏi (STT 17 Trang 116, NQ 90) <i>Danh nhân có quê quán tại thành phố Thanh Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên quê hương của ông.</i>
105	Đường Nguyễn Hữu Thái	Đường Văn Tiến Dũng	Phố Hoàng Duy Văn	1.100	7,5	1.100	17,5	Nguyễn Hữu Thái (1792 - 1855), quê Đại Lộc, xã Hoàng Vinh, huyện Hoàng Hóa. Năm Ất Dậu Minh Mệnh thứ 6 (1825) ông thi Hương đỗ Cử nhân. Ông là vị quan tài năng, rất mực thanh liêm, từng giữ nhiều trọng trách trong triều. Lúc đương triều được triều thần ngưỡng vọng, về hưu được quê hương mến mộ. Ông làm quan đến chức: Phụng Nghị đại phu, Giám sát ngự sử đạo Nam Nghia Quảng Nam - Quảng Ngãi (STT 118 Trang 173, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
26.2	Phố: 08							
106	Phố Lê Thận Ngôn	Đường Văn Tiến Dũng	Phố Nguyễn Phan	315	5,5	315	5,5	Lê Thận Ngôn (1834 - 1897), tên tự là Cổ Đàm, tên húy là Thận Ngôn, người làng Cát Xuyên, xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa. Ông đỗ cử nhân khoa thi năm Tân Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ 14 (1861) được bổ làm Giáo thụ phủ Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng sau được bổ chức Giáo thụ phủ Quảng Hóa (STT 91 Trang 167, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
107	Phố Phạm Đức Kỳ	Đường Văn Tiến Dũng	Đường Lưu Đình Chất	760	7,5	783	7,5	Phạm Đức Kỳ (thế kỷ XVI), quê ở thôn Trụ, Tào Xuyên, xã Hoàng Lý, Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là một Võ tướng, Thủy quân hầu thời Lê Trung hưng (STT 94 Trang 127, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Tào Xuyên được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>

108	Phó Nguyễn Phan	Đường Nguyễn Xuân	Đường Lưu Đình Chất	596	5,5	607	5,5	<p>Nguyễn Phan (1711 - 1784), quê Hà Dương, Hoàng Đạ, huyện Hoàng Hóa. Ông là một công thần cuối thời Lê - Trịnh, một nhà quân sự có tài, đánh đầu thắng đó, góp phần vào sự ổn định tình hình xã hội phong kiến Đàng Ngoài trong những năm giữa thế kỷ XVIII. Trong 37 năm theo cuộc đời binh nghiệp, ông đã được triều đình phong kiến Lê - Trịnh phong chức 34 lần và tặng thưởng 24 ngân bài (STT 99 Trang 169, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>
109	Phó Lê Văn Úc	Đường Nguyễn Đình Ngân	Đường Nguyễn Đình Văn	305	5,5	316	5,5	<p>Lê Văn Úc (1950-2021), quê ở xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa. Nhập ngũ năm 1968, có nhiều công lao trong chỉ huy, chiến đấu và bảo vệ lực lượng đảm bảo an toàn khi địch bắn phá ác liệt. Ngày 20/9/1971, đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân. Ông mất năm 2021 (NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>
110	Phó Lê Trần Mẫn	Đường Nguyễn Đình Ngân	Khu công nghiệp Hoàng Long	710	5,5	621	5,5	<p>Lê Trần Mẫn (1961 - 1985), quê ở xã Hoàng Phú, Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ (STT 09 Trang 151, NQ 90)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>
111	Phó Nguyễn Nhân Lễ	Đường Đỗ Xuân Cát	Đường Văn Tiến Dũng	540	5,5	555	17,5	<p>Nguyễn Nhân Lễ (1461-1522), quê làng Bột Thượng (nay thuộc xã Hoàng Lộc), huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân khi mới 21 tuổi, làm quan tới chức Lại khoa Cấp sự trung thời Lê sơ (STT 108 Trang 128, NQ 90)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>

112	Phố Hoàng Duy Văn	Đường Văn Tiến Dũng	Đường Đỗ Xuân Cát	640	5,5	641	17,5	Hoàng Duy Văn (? - ?), quê Phú Vinh, Hoàng Vinh, huyện Hoàng Hóa. Ông làm quan cuối thời Lê - Trịnh, năm niên hiệu Cảnh Hưng thứ 44 (1783), vì lập được nhiều công tích được triều đình nghị bàn thăng cho hai cấp Bá hộ Phó Thiên hộ. Về sau thăng chức Phó Vệ úy (STT 153 Trang 180, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
113	Phố Cao Văn Khang	Đường Văn Tiến Dũng	Cầu Hàm Rồng	790	6,5	927	15,5	Cao Văn Khang (1944 - 1987), quê xã Hoàng Khánh (nay là Hoàng Xuân), huyện Hoàng Hóa. Nhập ngũ tháng 4/1963, trong công tác, đồng chí đã không sợ hy sinh, nguy hiểm, cùng tổ công binh 3 người do ông phụ trách tháo gỡ được 715 quả bom và bom nổ chậm, trong đó có 50 quả bom tạ trong vòng 16 tháng, đã thu hàng tấn thuốc nổ cho đơn vị. Đặc biệt là người tìm tòi nghiên cứu, tháo gỡ được loại bom bi, rồi phổ biến kinh nghiệm đi các nơi, trong khi chỉ mới biết trên lý thuyết một số loại bom cũ. Đồng chí đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Ba và được bầu là chiến sỹ thi đua của đơn vị. Ngày 1 tháng 1 năm 1967, đồng chí Cao Văn Khang được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (STT 16 Trang 186, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
27	Pường Long Anh: 03 đường và 04 phố							
27.1	Đường: 03 đường							
114	Đường Nguyễn Đình Văn	Đường Nguyễn Đình Ngân	Trạm y tế phường Long Anh	2.170	13,0	2.180	24,5	Nguyễn Đình Văn (1860-?), có tên húy là Khang, hiệu là Ích Xuyên, quê ở làng Phụng Đình, xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, đỗ Phó bảng (1892), từng làm quan tới chức Án sát tỉnh Bình Thuận, tỉnh Khánh Hòa, giữ chức Quang lộc tự Thiếu khanh (STT 262 Trang 148, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>

115	Đường Vũ Thị Huệ	Tượng đài liệt sỹ phường Long Anh	Tiếp giáp phường Hoàng Quang	1.100	6,5	1.371	17,5	Vũ Thị Huệ (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoàng Long cũ, nay là phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa. Bà là Cung Phi dưới triều vua Lê Thánh Tông, là vú nuôi của Vua Lê Hiến Tông và các công chúa, hoàng tử triều Vua Lê Thánh Tông. Bà còn có công xây dựng cho làng Từ Quang 12 bến nước để tạo cảnh đẹp cho làng và tạo sự giao lưu giữa làng quê và sông nước. Lúc bà mất được ban sắc phong làm Phúc thần. Nhớ công ơn bà, Nhân dân trong làng lập Phù thờ Đức Bà với Duệ hiệu "Cổ mẫu nữ hương Vũ Thị Huệ" (STT 50 Trang 158, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
116	Đường Nguyễn Gia Hòa (Tỉnh lộ 510)	Cầu Hoàng Long	Đường Nguyễn Nhân Trứ	2.030	7,5	2.329	21,5	Nguyễn Gia Hòa (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoàng Long cũ, nay là phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa. Thuở nhỏ có dũng khí, mưu lược, lớn lên ông tòng quân, được vào đội Túc vệ, có tài thao lược nên thăng chức Chi huy sứ, nhiều lần lập công, đương thời nổi danh là bậc tướng giỏi. Thời Lê niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1629), ông được phong tước Thủy Quận Công, được Nhân dân trong làng lập đền thờ và có bia ghi công trạng của ông (Đền thờ đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2011) (STT 43 Trang 156, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
27.2.	Phố: 04 phố							
117	Phố Hà Thị Diệu Cai	Đường Nguyễn Đình Ngân, tổ dân phố Quan Nội 1	Kênh N16	560	5,5	640	5,5	Hà Thị Diệu Cai (?-?), quê ở huyện Hoàng Hóa, Bà là người có công giúp Vua Lê Lợi thoát nạn giặc Minh (STT 12 Trang 116, NQ 90) <i>Danh nhân có đền thờ tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
118	Phố Nguyễn Gia Hoàn	Đường Nguyễn Đình Ngân	Kênh N16	640	6,0	652	6,0	Nguyễn Gia Hoàn (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoàng Long cũ, nay là phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa, đỗ Ân khoa năm Mậu Thân (1848) đời Vua Tự Đức. Ông làm quan Tri huyện (STT 47 Trang 157, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>

119	Phố Nguyễn Xuân Dương	Phố Võ Văn Chí	Kênh N16	610	5,5	615	5,5	Nguyễn Xuân Dương (1440 - ?), quê xã Từ Minh, huyện Hoằng Hóa, nay là phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa. Năm 24 tuổi, ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Mùi (1463) đời vua Lê Thánh Tông. Ông làm quan Tri huyện, sau đó làm quan ở kinh đô (STT 27 Trang 153, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
120	Phố Võ Văn Chí	Đường Nguyễn Đình Ngân, tổ dân phố Nhữ Xá 1	Đường Nguyễn Đình Ngân, tổ dân phố Quan Nội 1	420	7,5	483	7,5	Võ Văn Chí (? - ?), quê làng Từ Quang, xã Hoằng Long cũ, nay là phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa. Năm 1894, ông thi đỗ Cử nhân khoa Giáp Ngọ, niên hiệu Thành Thái. Ông làm quan Tri huyện (STT 06 Trang 149, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Long Anh được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
28	Phường Hoằng Quang: 06 đường và 9 phố							
28.1	Đường: 06							
121	Đường Nguyễn Nhân Trứ	Tiếp giáp xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa	Bưu điện phường Hoằng Quang	1.700	5,5	3.587	24,0	Nguyễn Nhân Trứ (1612 - ?), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang, thành phố Thanh Hóa. Ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng tiến sĩ xuất thân, khoa Giáp Tuất (1634), đời Lê Thần Tông, giữ chức công bộ Tả Thị Lang, tước Hoằng Phái hầu khi mất được tặng chức Thượng Thư (STT 143 Trang 178, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoằng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
122	Đường Lưu Miễn	Tiếp giáp xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa	Đường Lưu Diễm	1.400	7,5	1.698	17,0	Lưu Miễn (thế kỷ XIII), quê xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là người đỗ đệ nhất giáp Kỳ thi Thái học sinh năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 8 (STT 233 Trang 81, NQ 90) <i>Lưu Miễn quê ở phường Hoằng Quang là anh trai của Lưu Diễm, được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau.</i>
123	Đường Lưu Diễm	Đường Nguyễn Nhân Trứ	Hết địa phận tổ dân phố Vĩnh Trị 3	1.660	5,5	1.749	21,5	Lưu Diễm (1211 - ?), quê ở Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, nay thuộc Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Đông các Đại học sĩ thời nhà Trần (STT 59 Trang 58, NQ 90) <i>Lưu Diễm quê ở phường Hoằng Quang là anh trai của Lưu Miễn, được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau.</i>

124	Đường Nguyễn Vi	Đường Lưu Diễm, tổ dân phố Vĩnh Trị 1	Đường Lưu Diễm	1.050	5,5	931	5,5	Nguyễn Vi (1608 - ?), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa). Ông đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu 1637 đời Lê Thần Tông. Ông được ban chức lại khoa đô đốc sự trung thành Lại khoa Đô cấp sự trung (STT 155 Trang 181, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
125	Đường Lê Nhữ Bật	Tiếp giáp xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa	Cầu Nguyệt Viên	1.140	6,5	1.272	20,5	Lê Nhữ Bật (1527 - 1599), người làng Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Lại khoa Đô cấp sự trung, tước Nhâm quận công thời Lê Trung hưng, từng đi sứ nhà Minh, được truy phong Thượng thư Bộ Công (STT 05 Trang 115, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
126	Đường Lê Viết Tạo	Đường Lưu Diễm	Phố Ngô Cao Lãng	1.078	5,5	1.078	21,5	Lê Viết Tạo (1876-1925), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là Thừa phái Bộ Binh thời Nhà Nguyễn (STT 181 Trang 138, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố. Tuyến đường chạy qua nhà thờ cụ phó bảng Lê Viết Tạo và qua khu lăng mộ của cụ.</i>
28.2	Phố: 9							
127	Phố Nguyễn Trật	Công sở phường Hoàng Quang	Đường Lưu Diễm	782	7,5	782	17,5	Nguyễn Trật (1581 - 1661), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa). Năm 20 tuổi (1600) ông thi đỗ Hương cống. Năm 51 tuổi, ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Quý Hợi (1623) đời Vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Công khoa đô cấp sự trung (STT 138 Trang 177, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
128	Phố Lê Thụy	Trường mầm non Hoàng Quang	Phố Nguyễn Trật	310	7,5	372	17,5	Lê Thụy (1926 - 2000) (tức Lê Hữu Thúy), quê xã Hoàng Quang, Hoàng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), là một tình báo viên chiến lược trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông đã được nhà nước Việt Nam trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1996 (STT 28 Trang 189, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>

129	Phố Lê Khắc Kỳ	Đường Lưu Miễn	Phố Nguyễn Trật	414	7,5	414	20,5	Lê Khắc Kỳ (1610 - ?), quê làng Phù Quang, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, nay là thành phố Thanh Hóa. Ông đỗ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bình Tuất (1646) niên hiệu Phúc Thái thứ 4 đời Lê Nhân Tông, sau được phong làm Giám sát Ngự Sử (STT 71 Trang 163, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
130	Phố Lê Khắc Khuyến	Đầu khu dân cư tổ dân phố Vĩnh Trị 3	Phố Lê Khắc Kỳ	300	7,5	300	17,5	Lê Khắc Khuyến (1879 - ?), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tiến sĩ, là một nho sĩ yêu nước, được bổ dụng vào chức Tri huyện Thạch Thành, Thanh Hóa (STT 257 Trang 147, NQ 90) Sửa đổi tên “Lê Khắc Tuyền” đổi thành “Lê Khắc Khuyến” (STT 12 Trang 196, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
131	Phố Lê Khắc Thuận	Giữa khu dân cư tổ dân phố Vĩnh Trị 1	Đường Nguyễn Vi	415	5,5	415	5,5	Lê Khắc Thuận (1668 - 1730), quê làng Phù Quang, xã Hoàng Quang, thành phố Thanh Hóa. Năm 43 tuổi, ông đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, khoa Canh Dần (1710) đời Lê Hy Tông. Ông làm quan đến chức Hình khoa cấp sự trung (STT 128 Trang 175, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
132	Phố Lê Văn Hiểu	Đường Lưu Diễm	Đường Nguyễn Vi	385	5,5	385	5,5	Lê Văn Hiểu (1477 - ?), quê làng Vĩnh Trị, nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, nay thuộc thành phố Thanh Hóa. Ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1508) niên hiệu Đoan Khánh 4, đời Lê Uy Mục, khi ông 32 tuổi và làm quan đến chức Thiêm đô Ngự sử (STT 40 Trang 156, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>

133	Phố Nguyễn Kính	Đường Nguyễn K	Đường Lê Viết Tạo	655	6,0	655	6,0	Nguyễn Kính (1629 - ?), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoảng Hóa, nay là thành phố Thanh Hóa. Năm 33 tuổi ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Tân Sửu (1661) đời Vua Lê Thần Tông. Ông làm quan đến chức Giám sát (STT 70 Trang 162, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoảng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
134	Phố Nguyễn Duy Hinh	Tiếp giáp xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa	Đường Lê Viết Tạo	560	5,5	1.079	17,5	Nguyễn Duy Hinh (1831- 1897), người làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoảng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, là một trong những lãnh tụ của Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa (STT 71 Trang 123, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoảng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố.</i>
135	Phố Ngô Cao Lãng	Phố Nguyễn Duy Hinh	Đường Lê Viết Tạo	675	5,5	625	5,5	Ngô Cao Lãng (thế kỷ XIX), quê làng Nguyệt Viên, xã Hoàng Quang, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, làm quan ở Quốc sử quán và là nhà văn, nhà sử học lớn thời Nguyễn (STT 192 Trang 75, NQ 90) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoảng Quang được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
29	Phường Hoảng Đại: 05 đường và 08 phố							
29.1	Đường: 05							
136	Đường Nguyễn Tác Dĩnh	Tiếp giáp xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa	Bờ đê sông Mã	1.700	7,5	1.845	27,0	Nguyễn Tác Dĩnh (1447 - ?), quê xã Lam Cầu, nay là thôn Lam Hà, xã Hoảng Đại, huyện Hoảng Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa). Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Tuất, niên hiệu Hồng Đức 9 (1478) vào năm 32 tuổi, làm quan đến chức Hộ bộ Tả thị lang (STT 18 Trang 151, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoảng Đại được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
137	Đường Nguyễn Minh Đức	Đường Nguyễn Vĩnh	Bờ đê sông Mã	1.050	5,0	1.127	6,5	Nguyễn Minh Đức (1918 - 1967), quê xã Hoảng Thắng, huyện Hoảng Hóa. Ông là Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân thời kỳ chống đế quốc Mỹ (STT 09 Trang 185, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoảng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoảng Hóa trước đây.</i>

138	Đường Nguyễn Trọng Hoàn	Phố Lê Viết Trạc	Bờ đê sông Mã	1.200	5,5	1.200	16,0	Nguyễn Trọng Hoàn (? - ?), quê xã Bột Thái (nay thuộc xã Hoàng Lộc), huyện Hoàng Hóa, là con thứ của Tiến sĩ, Tham tụng, Quận công Nguyễn Ngọc Huyền. Nguyễn Trọng Hoàn thi đỗ Hương cống khoa Ất Mão, niên hiệu Long Đức thứ 4 (1735). Ông có công dẹp cuộc nổi dậy của Hoàng Công Toán, được điều về Kinh, thăng Thượng thư bộ Hộ, tước Tỉnh Phái hầu. Khi ông mất được tặng phong Thái tử Thái bảo, Thượng trụ quốc, Thượng trật (STT 48 Trang 157, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
139	Đường Nguyễn Vĩnh	Phố Lê Hỷ	Bờ đê sông Mã	924	5,5	924	6,5	Nguyễn Vĩnh (? - ?), quê xã Lam Cầu, tổng Bái Cầu, huyện Hoàng Hóa, nay là thôn Lam Hà, xã Hoàng Đại, huyện Hoàng Hóa. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Bính Tuất (1646), niên hiệu Phúc Thái 4, đời Lê Chân Tông, ông làm quan chức Tham chính, tước Nam (STT 157 Trang 181, NQ 33) <i>Danh nhân quê quán tại phường Hoàng Đại được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i>
140	Đường Lê Mạnh Trinh	Tiếp giáp xã Hoàng Trạch, huyện Hoàng Hóa	Đường Nguyễn Trọng Hoàn	1.130	5,5	1.262	6,5	Lê Mạnh Trinh (1897- 1983), người xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là Phó Giám đốc trường Đảng Trung ương Nguyễn Ái Quốc, là một trong số những chiến sĩ Cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa (STT 381 Trang 104, NQ 90) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
29.2	Phố: 08							
141	Phố Lê Viết Trạc	Đường Nguyễn Tác Dĩnh	Đường Nguyễn Trọng Hoàn	608	5,0	608	13,5	Lê Viết Trạc (1853 - 1887), quê ở làng Mỹ Đà, xã Hoàng Minh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, là Bang tá quân vụ trong Phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa (STT 231 Trang 144, NQ 90) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>

142	Phố Hoàng Văn Kỹ	Đường Nguyễn Tác Dĩnh	Phố Lê Hỷ	400	5,0	400	7,5	<p>Hoàng Văn Kỹ (1939 - 1967), quê quán xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa. Ông bắn rơi 4 máy bay Mỹ, hy sinh trong trận đánh không cân sức ngày 5/6/1967 với máy bay Mỹ trên vùng trời Vĩnh Phúc, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống đế quốc Mỹ (STT 20 Trang 188, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>
143	Phố Lê Hỷ	Phố Hoàng Văn Kỹ	Phố Lê Xuân Lan	580	5,0	599	20,5	<p>Lê Hỷ (1935 - 2022), quê khu phố 1 Liên Sơn, thị trấn Kim Tân (trước đây là Thôn 1 Liên Sơn, xã Thành Kim), huyện Thạch Thành. Nguyên quán: xã Hoàng Đại, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>Tháng 01 năm 1954, ông nhập ngũ. Năm 1966, ông cùng đơn vị được điều vào chiến trường Quảng Trị (Vĩnh Linh) để nghiên cứu đánh B52. Ngày 17/9/1967, ông cùng đồng đội thuộc Trung đoàn 238 đã bắn rơi được chiếc B52 đầu tiên, trong đó ông là người trực tiếp đã phóng 02 quả tên lửa vào mục tiêu. Ngày 22/12/1967, đơn vị ông bắn rơi thêm 01 chiếc B52, tổng cộng đã bắn rơi 6 máy bay ở Vĩnh Linh, trong đó ông tham gia bắn rơi được 04 máy bay B52. Ông đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng. Ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2015 (STT 14 Trang 186, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có nguyên quán tại phường Hoàng Đại được ưu tiên để đặt tên đường, phố</i></p>
144	Phố Nguyễn Nhân Thiệm	Phố Lê Hỷ	Đường Nguyễn Trọng Hoàn	342	5,0	342	6,5	<p>Nguyễn Nhân Thiệm (1534-1597), quê xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là nhà ngoại giao thời Lê sơ, làm tới chức Thái Thường tự khanh (STT 200 Trang 140)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>

145	Phó Lê Xuân Lan	Đường Nguyễn Tác Dĩnh	Đường Nguyễn Trọng Hoàn	760	5,5	760	6,5	<p>Lê Xuân Lan (1916 - 1983), quê thôn Đông Thành, xã Hoàng Tiến, là một nhà giáo tâm huyết, được các thế hệ học sinh và Nhân dân quý trọng. Ông thuộc tốp người đầu tiên của tổng Ngọc Chuế đầu Prime (tiểu học) và đầu Đíp - lôm (Trường học cơ sở) thời Pháp thuộc. Không chỉ là thầy giáo giỏi, ông còn là cán bộ cách mạng kiên trung, là một trong những lãnh đạo chủ chốt tiền bối của quê hương Hoàng Hóa, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện từ tháng 6/1950 - 7/1954. Tên ông được đặt cho Quỹ Khuyến học Lê Xuân Lan được thành lập ngày 28/8/2008 theo Quyết định số 1883/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Hóa nhằm mục đích, ý nghĩa khuyến học, khuyến tài, đặc biệt là những học sinh nghèo vượt khó, góp phần ươm mầm tài năng, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao xây dựng quê hương, đất nước (STT 73 Trang 163, NQ 33)</p> <p><i>Tên nhà giáo Lê Xuân Lan được đặt cho tuyến phố gần trường tiểu học Hoàng Đại</i></p>
146	Phó Phạm Viết Đức	Đường Nguyễn Tác Dĩnh	Đường Lê Mạnh Trinh	414	5,5	414	5,5	<p>Phạm Viết Đức (1936 - 2022), quê xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa. Nhập ngũ năm 1956, công tác trong Nhà máy Q159 chuyên sản xuất phụ tùng sửa chữa xe máy. Với tinh thần lao động hăng say, đồng chí đã có nhiều sáng kiến tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm vật liệu và bảo vệ trang thiết bị nhà máy. Ngày 1/10/1971, đồng chí được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân (STT 10 Trang 185, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>
147	Phó Nguyễn Chiến	Trường THCS Hoàng Đại	Kênh N228	790	5,5	791	6,5	<p>Nguyễn Chiến (Nguyễn Khắc Cầm) (1918 - 1990), quê xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa, ông là lão thành cách mạng có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của huyện Hoàng Hóa. Ông là Bí thư chi bộ Đảng Cộng sản huyện (4/1944); Bí thư Huyện ủy Hoàng Hóa (4/1946) (STT 07 Trang 149, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i></p>

148	Phố Lê Xuân Bồng	Tiếp giáp xã Hoàng Trạch, huyện Hoàng Hóa	Đường Nguyễn Tác Dĩnh	520	5,0	632	6,5	Lê Xuân Bồng (1947 - 1995), quê xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa. Nhập ngũ tháng 2/1965, có nhiều thành tích trong chỉ huy và chiến đấu, ngày 15/1/1976, ông được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống đế quốc Mỹ. Ông mất năm 1995 (STT 02 Trang 183, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Hoàng Hóa được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Hoàng Hóa trước đây.</i>
1.7	Nhóm các phường: Quảng Hưng, Quảng Phú, Quảng Tâm, Quảng Cát (Quy hoạch phân khu số 8A+8B).							
30	Phường Quảng Hưng: 08 phố							
149	Phố Lê Mạnh	Ngõ Lê Công Khai	Đường Trần Bình Trọng	459	7,5	459	7,5	Lê Mạnh (?-?), quê Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là Đại Toát chỉ huy hương binh địa phương đánh chặn Toa Đô trong cuộc kháng chiến năm 1285 tại Bến đò Cỏ Bút (xã Quảng Hùng, Thành phố Sầm Sơn ngày nay) (STT 123 Trang 130, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Trần</i>
150	Phố Lê Thụ	Đường Lê Lai	Trường Tiểu học Hermann Gmeiner Thanh Hóa	400	7,5	400	20,5	Lê Thụ (?-1460), quê ở làng Lam Sơn, nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Nhập nội Đô đốc Bình chương sự dưới thời Lê sơ (STT 338 Trang 96, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
151	Phố Trương Phóng	Đường Chương Dương	Đường Hàm Tử	650	5,0	657	5,0	Trương Phóng (thế kỷ XIII - XIV), húy là Trương Tích Đăng, quê ở xã Phú Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Hiệu thư quyền miện sung làm Nhị tư thời Trần (STT 260 Trang 84, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Trần</i>
152	Phố Hoàng Phụng Thế	Đường Chương Dương	Đại lộ Nam Sông Mã	500	7,5	524	17,5	Hoàng Phụng Thế (? - 1399) quê ở Cát Xuyên, Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng, có công đánh Chiêm Thành cuối thời Trần (STT 199 Trang 140, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Trần</i>

153	Phó Lê Hoảng Dục	Đường Chương Dương	Đường Lê Niệm	450	7,5	488	7,5	Lê Hoảng Dục (TK XV), quê xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là một Võ quan triều Lê sơ. Hành trạng của Ông được xác thực bởi Minh thực lục và Đại Việt sử ký toàn thư (STT 72 Trang 60, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
154	Phó Lê Thận	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Niệm	402	5,5	403	5,5	Lê Thận (? – 1448), hay còn gọi là Nguyễn Thận, quê ở Mục Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, là danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan đến chức Tư mã dưới thời Lê sơ (STT 325 Trang 94, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
155	Phó Lê Chí	Đường Chương Dương	Đường Trần Nhân Tông	430	5,0	430	24,0	Lê Chí (thế kỷ XV - XVI), quê ở thôn Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang (nay là làng Tép, xã Kiên Thọ huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa), là Thái bảo, tước Huỳnh Quận công thời Lê sơ, có công trong việc đánh dẹp Chiêm Thánh, bắt được vua Chiêm đóng cũi giải về kinh đô Thăng Long, được Vua phong Bình Lương Bá (STT 26 Trang 117, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
156	Phó Lý Triện	Đường Chương Dương	Phó Lê Chí	400	5,0	402	5,0	Lý Triện (? - 1427), quê ở trang Bái Đô, huyện Lôi Dương (nay thuộc xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), là Danh tướng trong Cuộc Khởi nghĩa Lam Sơn, được truy tặng chức Nhập nội Tư mã thời Lê sơ (STT 388 Trang 103, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
31	Phường Quảng Phú: 02 đường và 13 phố							
31.1.	Đường: 02							
157	Đường Quyết Tâm	Tiếp giáp thành phố Sầm Sơn	Đường Dã Tượng	3.094	7,5	3.094	13,5	Quyết Tâm: Là ý chí, nghị lực cao cả để thực hiện bằng được mục đích và việc làm đã xác định ra (STT 05 Trang 119, NQ 33) <i>Cụm các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.</i>
158	Đường Tiền Phong	Tiếp giáp thành phố Sầm Sơn	Đường Yết Kiêu	3.051	7,5	3.051	9,5	Tiền Phong: Có ý nghĩa gương mẫu, đi đầu, đi trước (STT 07 Trang 119, NQ 33) <i>Cụm các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.</i>

31.2	Phố: 13							
159	Phố Trương Hữu Hiệu	Bờ đê sông Mã, phường Quảng Phú	Đại lộ Nam Sông Mã	585	5,5	615	5,5	Trương Hữu Hiệu (1632 - 1696), quê làng Thiên Linh, huyện Ngọc Sơn, nay là thôn Yên Cảnh, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương. Năm 45 tuổi, Trương Hữu Hiệu dự thi khoa Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 1 (1676) đời vua Lê Huy Tông, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử (STT 42 Trang 156, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i>
160	Phố Đội Nhữ	Đại lộ Nam Sông Mã	Bờ sông Thống Nhất	570	5,5	707	5,5	Đội Nhữ (18?? - 18??), quê làng Trường Lệ nay thuộc phường Quảng Vinh, thành phố Sầm Sơn. Đội Nhữ hay còn gọi là Đề Đôn, tên thật là Hoàng Đình Đôn là cử nhân võ thời vua Tự Đức. Năm 1885, sau khi cuộc phản công tại kinh thành Huế thất bại, ông là người đã hộ giá vua Hàm Nghi bỏ kinh thành ra vùng rừng núi, phát chiếu Cần Vương chống Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt trở về kinh thành, ông theo Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn chạy về Thanh Hóa. Cuối thế kỷ XIX, Thanh Hóa là một trong những địa phương có phong trào Cần Vương bùng nổ mạnh mẽ khắp nơi, các trung tâm khởi nghĩa phát triển rộng khắp với việc hình thành các đội nghĩa quân dưới sự chỉ huy của các sĩ phu, văn thân yêu nước. Đội Nhữ được Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn giao nhiệm vụ liên hệ để hợp nhất các cánh quân của Quảng Xương như cánh quân của Đề đốc Mậu Quang Tiên, cánh quân của Quảng Nham, Cự Nham...(STT 95 Trang 186, NQ 33) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i>
161	Phố Đinh Văn Liên	Bờ đê sông Mã, phường Quảng Phú	Bờ sông Thống Nhất	417	5,5	417	17,5	Đinh Văn Liên (1904 -1974), quê xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương (nay thuộc xã Quảng Châu, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là một nhà giáo tận tụy trong công việc truyền bá học vấn, mở mang dân trí, được Triều đình Huế tặng thưởng hàm “ Hàn lâm thị độc” (STT 109 Trang 128, NQ 90) <i>Đặt tên nhà giáo tận tụy trong công việc truyền bá học vấn, mở mang dân trí cho tuyến phố đi qua trường Tiểu học Quảng Phú</i>

162	Phó Đỗ Tất Quý	Bờ sông Thống Nhất	Đại lộ Nam Sông Mã	500	5,0	500	5,0	Đỗ Tất Quý (thế kỷ XVI), quê ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là Phụ quốc Thượng tướng quân, hàm Thái bảo dưới thời Lê Trung hưng (STT 165 Trang 136, NQ 90) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
163	Phó Lương Đại Đồng	Đầu khu dân cư tổ dân phố 3	Đại lộ Nam Sông Mã	550	6,5	584	12,0	Lương Đại Đồng (? - ?), quê làng Hội Triều, nay thuộc xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa. Cụ thân sinh của ông là người gốc Trung Quốc sang Việt Nam từ năm 1311. Ông đỗ thái học sinh, được phong tước Thái bảo thái văn hầu (STT 22 Trang 152, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Trần gồm Yết Kiêu, Dã Tượng, Lương Đại Đồng, Hoàng Bát được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau.</i>
164	Phó Lương Tuyên Quang	Bờ đê sông Mã	Đường Quyết Tâm	570	5,5	512	5,5	Lương Tuyên Quang (1556 - 1632), quê thôn Hội Triều, xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa. Ông về thôn Đông Lý, xã Sen Hồ, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nay là thôn Đông Lý, xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn sinh cơ lập nghiệp. Ông là một công thần thời Lê-Trịnh được tiến phong Kim tử Vinh lộc đại phu, tước là Phó Nghĩa Tử, được triều đình phong sắc làm phúc thần cho thôn Đông Lý, xã Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa phụng thờ. Di tích được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (STT 108 Trang 171, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>
165	Phó Đỗ Văn Gạo	Đường Tiền Phong	Phó Lương Đại Đồng	591	7,5	805	16,5	Đỗ Văn Gạo (? - ?), quê xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa. Ông gốc họ Đỗ, từ ngoài Bắc vào, sinh sống ở làng Xuân Sơn, xã Dương Sơn (nay là làng Xuân Sơn, xã Hoàng Sơn). Dưới triều vua Lê Hiến Tông (1740-1786), ông gia nhập quân đội, vì lập được công lao nên ông được ban Bá hộ, là bậc Phấn lực tướng quân. Sau này, ông được vua Lê Hiến Tông ban cho chức Thống lĩnh tiền Kỳ tướng quân, ban cho họ của nhà vua là Lê Gạo (STT 29 Trang 153, NQ 33) <i>Cụm danh nhân thời Lê</i>

166	Phố Nguyễn Hùng Lễ	Đại lộ Nam Sông Mã	Đường An Dương Vương	730	13,5	745	17,5	<p>Nguyễn Hùng Lễ (1942 - 1968), còn có tên là Nguyễn Hồng Lễ, quê ở xã Quảng Tường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nay là khu phố Trung Kỳ, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ (STT 07 Trang 151, NQ 90)</p> <p><i>Lựa chọn danh nhân quê quán tại huyện Quảng Xương, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân để đặt tên cho tuyến phố qua trung tâm của phường, có các công sở, trường học ở hai bên đường</i></p>
167	Phố Trương Đức Quang	Bờ sông Thống Nhất	Đường An Dương Vương	530	7,5	560	15,5	<p>Trương Đức Quang (1478 - ?), quê Chuế Thôn, xã Ngọc Xuyết, sau là Kim Xuyết, tổng Kim Xuyết nay là thôn Hùng Tiến, xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa. Năm 25 tuổi đỗ Đệ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng Giáp), khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Cảnh Thống năm 1502 đời Lê Hiến Tông. Ông làm quan đến chức Đề hình giám sát ngự sử, ông là tấm gương tiêu biểu trong số những người “khô học”, “cần học” của truyền thống hiếu học huyện Hoàng Hóa (STT 109 Trang 171, NQ 33)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Lê</i></p>
168	Phố Bùi Kim Tương	Đường An Dương Vương	Tiếp giáp phường Quảng Cát	550	5,5	748	5,5	<p>Bùi Kim Tương (1716 –1774), người làng Lê Hương, xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, là bậc hào trưởng trong vùng, giúp đỡ triều đình đắp lũy, góp phần đánh dẹp quân phản loạn ở Nghệ An, Bang Giang, Đá Mai giành thắng lợi (STT 254 Trang 147, NQ 90)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i></p>
169	Phố Hoàng Bát	Đường Dã Tượng	Đường An Dương Vương	400	7,5	400	20,5	<p>Hoàng Bát (1198 - ?), quê làng Thanh Nga, xã Hoàng Trinh, huyện Hoàng Hóa, có công cung cấp lương thực giúp vua Trần Thái Tông đi đánh Chiêm Thành năm 1251, được vua ban tước Thực Lộc hầu (STT 01 Trang 148, NQ 33)</p> <p><i>Cụm danh nhân thời Trần gồm Yết Kiêu, Dã Tượng, Lương Đại Đồng, Hoàng Bát được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau.</i></p>

170	Phó Lê Hữu Kiển	Bờ đê sông Thống Nhất	Đường An Đương Vương	402	9,0	422	30,0	<p>Lê Hữu Kiển tức Lê Quốc Bảo (1925 - 2006), quê xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương. Ông nhập ngũ tháng 10/1954 liên tục chiến đấu ở chiến trường khu V đến tháng 5/1959 trở lại chiến trường Tây Nguyên. Từ năm 1959 - 1965 phụ trách đội vũ trang tuyên truyền, với cương vị chỉ huy trưởng đã chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương nhanh chóng phát triển lực lượng, tích cực đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên, hỗ trợ đặc lực cho phong trào quần chúng nổi dậy diệt ác ôn. Lê Hữu Kiển được tặng 02 Huân chương chiến công giải phóng hạng Nhất, 1 Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, 2 lần là Chiến sĩ thi đua. Lê Hữu Kiển được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ông mất tại Đắc Lắc (STT 187 Trang 19, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i></p>
171	Phó Bùi Ngọc Đủ	Bờ đê sông Thống Nhất	Đường An Đương Vương	403	7,5	452	7,5	<p>Bùi Ngọc Đủ (1942 - 2017), quê xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương. Năm 1961, ông nhập ngũ đi B và được biên chế vào Tiểu đoàn 10, Trung đoàn 821, Sư đoàn 324. Suốt từ đó đến năm 1969, ông cùng đồng đội tham gia gần 100 trận đánh trên các chiến trường, lập nhiều chiến công, được tặng nhiều huân - huy chương các loại. Năm 1970, ông vào chiến trường Tây Nguyên. Ngày 24/2/1972, ông chỉ huy tiểu đoàn pháo binh 2 đánh vào Đắc Tô - Tân Cảnh. Ngày 20/4/1975, ông cùng sư đoàn tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đánh vào Bình Phước, Củ Chi và giải phóng Sài Gòn ngày 30/4/1975. Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, là Thiếu tá làm Phó ban Tổ chức huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Sau đó, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau và chỉ huy 17 trận đánh với Fulrô. Năm 1995, ông nghỉ hưu, làm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch Hội khuyến học huyện Mang Yang. Ông Bùi Ngọc Đủ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2000. Ông mất năm 2017 (STT 08 Trang 184, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i></p>

32	Phường Quảng Tâm: 07 đường và 04 phố							
32.1	Đường: 07 đường							
172	Đường Hoàng Bùi Hoàn	Đại lộ Nam Sông Mã	Đường An Đương Vương	1.373	15,0	1.373	20,5	Hoàng Bùi Hoàn (1664 - ?), quê làng Câu Đòng Nội, xã Lưu Vệ, tổng Lưu Vệ, huyện Quảng Xương (nay là làng Câu Đòng, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương), tỉnh Thanh Hóa, một võ tướng, làm quan suốt 3 triều vua Lê, được phong chức Quận Công, Tả Đô Đốc lưu thủ Trần Thanh Hoa thời Lê Trung hưng (STT 77 Trang 124, NQ 90) <i>Cụm danh nhân sinh ra, có quê quán ở huyện Quảng Xương, thời nhà Lê được ưu tiên đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i>
173	Đường Nguyễn Xuân Nguyễn	Đại lộ Nam Sông Mã	Giữa khu dân cư tổ dân phố Chiến Thắng	1.250	13,0	1.426	20,5	Nguyễn Xuân Nguyên (1907–1975), quê ở xã Quảng Giao, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Ông là Giáo sư, Tiến sỹ Y học, có nhiều đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu và chữa trị trực tiếp trong ngành Nhân khoa của Y khoa Việt Nam (STT 138 Trang 132, NQ 90) <i>Cụm danh nhân sinh ra, có quê quán ở huyện Quảng Xương, được ưu tiên đặt tên đường, phố tại các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i> <i>Danh nhân là Giáo sư, Tiến sỹ Y học, được lựa chọn để đặt tên cho tuyến đường gần Bệnh viện 71 Trung ương.</i>
174	Đường Lê Hồng Thịnh	Tiếp giáp phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn	Đường Hoàng Bùi Hoàn	890	10,5	931	20,5	Lê Hồng Thịnh (1937 - 1967), tên khai sinh là Lê Văn Cảo, quê xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, nay thuộc thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, hy sinh khi đang làm nhiệm vụ (STT 15 Trang 152, NQ 90) <i>Cụm danh nhân sinh ra, có quê quán ở huyện Quảng Xương, được ưu tiên đặt tên đường, phố tại phường Quảng Tâm, tiếp giáp với phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn là quê hương của danh nhân.</i>

175	Đường Tôn Thất Bách	Đường An Dương Vương	Đường An Dương Vương, tổ dân phố Môi	1.412	9,0	1.861	12,0	Tôn Thất Bách (1946-2004), quê xã Dương Xuân Thượng, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc Triều đình nhà Nguyễn, là Phó Giáo sư, chuyên gia đầu ngành về tim mạch của Việt Nam và thế giới (STT 07 Trang 52, NQ 90) <i>Danh nhân là Phó Giáo sư, Tiến sỹ Y học, được lựa chọn để đặt tên cho tuyến đường gần Bệnh viện 71 Trung ương.</i>
176	Đường Cao Lỗ	Đường An Dương Vương, phường Quảng Tâm	Đường An Dương Vương, phường Quảng Cát	1.360	10,5	1.598	17,5	Cao Lỗ (?-179 TCN), còn gọi là Đại Than Đô Lỗ Thạch Thần, quê làng Đại Than, huyện Gia Định (nay là huyện Gia Bình), tỉnh Bắc Ninh, là một vị tướng tài của Thục Phán (An Dương Vương) (STT 208 Trang 77, NQ 90) <i>Cao Lỗ là một vị tướng tài của Thục Phán (An Dương Vương) được ưu tiên đặt tên đường, phố gần nhau</i>
177	Đường Lãnh Phiên	Đường An Dương Vương	Đường Lương Chí	1.010	6,5	1.036	6,5	Lãnh Phiên (1826-1887), còn có tên gọi khác Vũ Đình Phiên, sinh tại làng Xuân Phương, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương (nay là thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa), là lãnh tụ Phong trào Cần Vương chống Pháp ở Thanh Hóa (STT 149 Trang 134, NQ 90) <i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i>
178	Đường Hòa Bình	Đường An Dương Vương	Hết địa phận phường Quảng Cát	1.886	7,5	1.886	7,5	Hòa bình: Là trạng thái xã hội không có chiến tranh, không dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp trong quan hệ giữa các Quốc gia, dân tộc, các nhóm chính trị xã hội. Hòa bình đối lập với chiến tranh (STT 04 Trang 39, NQ 90) <i>Cụm các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.</i>
32.2	Phố: 04							

179	Phố Lê Quang Lộc	Đường Nguyễn Xuân Nguyên	Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở Thanh Hóa	506	7,5	506	17,5	<p>Lê Quang Lộc (? - ?), quê huyện Vĩnh Lộc. Theo thần phả Đền Đê Lĩnh, di tích đã được xếp hạng quốc gia, gia phả dòng họ Lê ở làng Bồng Báo, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, Tướng công Đền Đê Lĩnh Lê Công Quang Lộc tên là Lê Quang Lộc, người làng Bồng Báo, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông là một võ tướng thời Lê, có trước quan được xếp hạng “Tứ trụ triều đình” thời vua Lê Tương Dực (1510 - 1516). Năm 25 tuổi, ông được Vua giao khai phá và trấn giữ vùng cửa biển xung yếu Sầm Sơn. Ông dựng làng, khai mở đất luyện binh, dạy võ và lập gia thất. Vì vậy, ông được phong là Tổ sư lò võ vật làng Lương Trung nổi tiếng xứ Thanh; ngoài ra, ông còn dạy cho Nhân dân trong vùng làm bánh dày. Khi ông mất, vua cho lập đền thờ trên vùng đất tối linh từ của làng Lương Trung, giao cho Nhân dân bốn mùa cúng tế và mở hội làng tưởng niệm hàng năm vào ngày giỗ chính kỵ của Ngài. Ngôi đền thờ tướng công Lê Quang Lộc chính là đền Đê Lĩnh thuộc thôn Trung, xã Lương Niệm, phủ Quảng Xương, nay là tổ dân phố Khanh Tiến, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn (STT 80 Trang 164, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán, từng hoạt động tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i></p>
-----	-------------------------	--------------------------	---	-----	-----	-----	------	--

180	Phó Bà Triều	Đầu khu dân cư tổ dân phố Tiến Thành	Đường An Dương Vương	640	6,0	654	6,0	<p>Bà Triều (? - ?), quê thành phố Sầm Sơn, tương truyền Bà là tổ sư nghề dệt sấm xúc và tơ lụa, có sắc phong từ đời Vua Lê Thánh Tông (giai đoạn 1460 - 1497) với Thánh vị “Hùng Triều thánh tổ, Ứng đồ đại vương, Thượng đẳng tối linh thần”. Bà được Nhân dân thành kính, tôn thờ vì đã có công truyền dạy cho Nhân dân Sầm Sơn cách dệt sấm xúc đánh moi và lưới rùng để đánh bắt cá đem lại cuộc sống ấm no cho dân làng. Để tưởng nhớ công ơn của bà, Nhân dân Sầm Sơn đã lập đền thờ Bà Triều tại khu phố Công Vinh, phường Quảng Cư và khu phố Vĩnh Thành, phường Trung Sơn. Đền thờ Bà Triều, phường Trung Sơn và phường Quảng Cư thành phố Sầm Sơn được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ và phát huy tác dụng tại Quyết định số 316/VHQĐ ngày 04/9/1995 (STT 140 Trang 177, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán, từng hoạt động tại huyện Quảng Xương, thành phố Sầm Sơn được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i></p>
-----	---------------------	--	-------------------------	-----	-----	-----	-----	---

181	Phố Lê Viêm	Đường Lê Hồng Thịnh	Đường An Dương Vương	620	5,5	636	5,5	<p>Lê Viêm (1849 - 1889), quê thành phố Sầm Sơn, tự Lê Văn Hân, hiệu Quả Nghị. Ông sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước. Theo các tài liệu, trong phong trào văn thân giữa thế kỷ XIX, làng Hòa Chúng có ông Lê Viêm, thường gọi là Hương Thộ và Vũ Kim Huy, thường gọi là Đường Hiêng liên kết với lãnh tụ Lãnh Phiên (Vũ Đình Phiên, người làng Xuân Phương, xã Quảng Châu) chiêu tập nghĩa quân đánh Pháp. Riêng làng Hòa Chúng, Lê Viêm đã tập hợp được trên 80 dân binh địa phương đứng lên chống Pháp trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX và hợp sức với đội quân của Lãnh Phiên. Lê Viêm được giao phụ trách quân lương. Ông tham gia nhiều trận đánh, trong đó lớn nhất là trận đánh tại chợ Cầu Trôi thuộc làng Hòa Chúng ngày 8/3/1886 khiến cho quân địch hoang mang dao động. Sau đó, Lê Viêm tham gia nghĩa quân Ba Đình được giữ chức "Đốc vận quân lương" lo vận chuyển lương thực, vũ khí. Khi căn cứ Ba Đình bị vỡ, Lê Viêm cùng một số nghĩa quân khác rút lên vùng trung du tiếp tục đánh Pháp. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, tên Lê Viêm còn được đặt cho tên một xã trước khi có tên xã Quảng Thọ (STT 156 Trang 181, NQ 33)</p> <p><i>Danh nhân có quê quán tại huyện Quảng Xương được lựa chọn để đặt tên cho đường, phố trên địa bàn các phường, xã thuộc huyện Quảng Xương trước đây.</i></p>
182	Phố Lương Lâm	Đường An Dương Vương	Đường Hòa Bình	600	5,5	642	5,5	<p>Lương Lâm (1689 - ?), quê làng Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn (nay là thôn Tào Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715), làm quan tới chức Giám sát Ngự sử (STT 103 Trang 128, NQ 90)</p> <p><i>Thời Hậu Lê cho đến thời Nguyễn, phủ Tĩnh Gia có huyện Quảng Xương, huyện Ngọc Sơn, huyện Nông Cống. Về sau huyện Ngọc Sơn mang tên Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn). Lựa chọn danh nhân quê quán tại thị xã Nghi Sơn để đặt tên đường, phố tại các xã trước đây thuộc huyện Quảng Xương</i></p>
33	Phường Quảng Cát: 05 đường và 01 phố							
33.1	Đường: 05							

183	Đường Lê Nhân Quý	Đường Nguyễn Doãn Chấp, tổ dân phố Môi	Bờ sông Minh Phú	2.106	6,0	2.106	17,5	<p>Lê Nhân Quý (thế kỷ XV), quê thôn Kim Cốc, xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, người được Vua Lê Thánh Tông lựa chọn là một trong những viên tướng thân cận đi đánh Chiêm thành, là Tổng tri Ngự tiền trung quân Quan nội hầu dưới thời Lê sơ (STT 164 Trang 136, NQ 90)</p> <p><i>Thời Hậu Lê cho đến thời Nguyễn, phủ Tĩnh Gia có huyện Quảng Xương, huyện Ngọc Sơn, huyện Nông Cống. Về sau huyện Ngọc Sơn mang tên Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn). Lựa chọn danh nhân quê quán tại thị xã Nghi Sơn để đặt tên đường, phố tại các xã trước đây thuộc huyện Quảng Xương .</i></p>
184	Đường Trung Dũng	Đường Nguyễn Doãn Chấp	Bờ sông Minh Phú	2.120	6,5	2.189	17,5	<p>Trung Dũng: Là từ nói về sự trung thành của con người với tổ quốc, Nhân dân và gia đình, bạn bè cùng chung một mục đích, lý tưởng, đồng thời để tỏ rõ lòng trung thành thì phải dũng cảm chiến đấu (STT 08 Trang 119, NQ 33)</p> <p><i>Cụm các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.</i></p>

185	Đường Nguyễn Sỹ Dũng	Đường Hòa Bình	Cuối khu dân cư tổ dân phố 9	2.000	5,5	2.445	5,5	<p>Nguyễn Sỹ Dũng (? - ?), quê Bình Định. Theo gia phả dòng họ Nguyễn Sỹ ở làng Lộc Trung, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, Nguyễn Sỹ Dũng tên thật là Vũ Văn Dũng; quê làng Phù Mỹ, xã Bình Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Ông là hồ tướng số một trong 7 vị tướng tài của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ trong cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhà Thanh cuối thế kỷ XVIII. Ông đã từng giữ chức Đại Tư Khẩu, rồi Đại Tư Đồ dưới triều vua Nguyễn Quang Toàn (con Quang Trung) và là người có nhiều công lao trong việc trấn thủ Bắc Thành (Hà Nội), chỉ huy nhiều trận đánh lớn chống thế lực thù địch ở đàng trong của Nguyễn Ánh thời bấy giờ, nổi nhất là trận Thị Nại năm 1800 - 1801. Sau khi vua Quang Trung mất, để tránh sự truy sát của Nguyễn Ánh, Ông đã đưa gia đình chạy ra vùng đất Lộc Trung, Thanh Hóa (nay thuộc phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn) ẩn dật và đổi tên thành Nguyễn Sỹ Dũng. Để tưởng nhớ công lao của Đô đốc Nguyễn Sỹ Dũng, Nhân dân làng Lộc Trung lập đền thờ ông ở gần cửa Lạch Hới, phường Quảng Tiến ngày nay. Đền thờ Nguyễn Sỹ Dũng được Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin (nay là Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 164/VHQĐ ngày 25/9/1993 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp bằng xếp hạng di tích lịch sử văn hóa tại Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 (STT 03 Trang 146, NQ 90)</p> <p><i>Danh nhân Nguyễn Sỹ Dũng có đền thờ ở Sầm Sơn, gần phường Quảng Cát</i></p>
186	Đường Lương Văn Yên	Đường Lê Nhân Quý	Tiếp giáp xã Quảng Minh, thành phố Sầm Sơn	1.909	5,5	1909	5,5	<p>Lương Văn Yên (?-?), quê ở huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, tham gia Khởi nghĩa Lam sơn ngay buổi đầu, có công trong trận đánh năm Ất Tỵ cùng Lê Lợi thu lại Thành Tây Đô (STT 276 Trang 150, NQ 90).</p> <p><i>Thời Hậu Lê cho đến thời Nguyễn, phủ Tĩnh Gia có huyện Quảng Xương, huyện Ngọc Sơn, huyện Nông Cống. Về sau huyện Ngọc Sơn mang tên Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn). Lựa chọn danh nhân quê quán tại thị xã Nghi Sơn để đặt tên đường, phố tại các xã trước đây thuộc huyện Quảng Xương</i></p>

187	Đường Lương Chí	Đầu khu dân cư tổ dân phố 1	Đường Nguyễn Doãn Chấp	1.780	7,5	1785	30,0	Lương Chí (1542- 1610), quê làng Tào Sơn, xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Là Tham tụng, Thượng thư thời Lê Trung hưng, có tài về ngoại giao, nhiều lần được cử đi tuế cống nhà Minh (STT 27 Trang 118, NQ 90) <i>Thời Hậu Lê cho đến thời Nguyễn, phủ Tĩnh Gia có huyện Quảng Xương, huyện Ngọc Sơn, huyện Nông Cống. Về sau huyện Ngọc Sơn mang tên Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn). Lựa chọn danh nhân quê quán tại thị xã Nghi Sơn để đặt tên đường, phố tại các xã trước đây thuộc huyện Quảng Xương</i>
33.2	Phố: 01							
188	Phố Lương Nghi	Đường An Dương Vương	Đường Lê Nhân Quý	600	5,0	626	5,0	Lương Nghi (1614-1694), quê ở Thôn Tào Sơn, xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đỗ Tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Quý Mùi (1643), làm quan tới chức Đốc đồng nội tán tham đồng, được cử đi sứ Trung Quốc (STT 134 Trang 132, NQ 90) <i>Thời Hậu Lê cho đến thời Nguyễn, phủ Tĩnh Gia có huyện Quảng Xương, huyện Ngọc Sơn, huyện Nông Cống. Về sau huyện Ngọc Sơn mang tên Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn). Lựa chọn danh nhân quê quán tại thị xã Nghi Sơn để đặt tên đường, phố tại các xã trước đây thuộc huyện Quảng Xương</i>